

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 2105/QĐ-UBND ngày 11/8/2022 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh; tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương và cơ chế hỗ trợ, huy động, lồng ghép nguồn lực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh về phân bổ kế hoạch vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 21/3/2023 của HĐND tỉnh về phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương bổ sung giai đoạn 2021-2025 và ngân sách trung ương năm 2023 (dự phòng) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Nam và Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 2105/QĐ-UBND ngày 11/8/2022 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025;

Theo kết luận tại cuộc họp giao ban ngày 05/12/2023 giữa Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh (khoản 9 Thông báo số 380/TB-UBND ngày 07/12/2023 của UBND tỉnh); theo đề nghị của Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh tại Tờ trình số 55/TTr-VPĐPNTM ngày 30/10/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 2105/QĐ-UBND ngày 11/8/2022 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025 (viết tắt là Quyết định số 2105/QĐ-UBND), cụ thể như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm 2.2 khoản 2 mục I và Phụ lục I, Phụ lục II tại Kế hoạch ban hành kèm theo Quyết định số 2105/QĐ-UBND như sau:

“2. Mục tiêu

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Đối với cấp xã

a) Xã nông thôn mới: Phấn đấu đến cuối năm 2025 có thêm ít nhất 42 xã đạt chuẩn nông thôn mới; đồng thời duy trì, nâng chuẩn 112 xã đã đạt chuẩn NTM giai đoạn 2016-2020⁽¹⁾ theo Bộ tiêu chí mới giai đoạn 2021-2025, nâng tổng số xã đạt chuẩn NTM lên ít nhất 154 xã/193 xã, chiếm tỷ lệ 80%.

Trường hợp Trung ương thống nhất điều chỉnh mục tiêu xã NTM đến năm 2025⁽²⁾ thì thực hiện theo mục tiêu Trung ương điều chỉnh.

b) Bình quân số tiêu chí đạt chuẩn NTM trên địa bàn tỉnh trên 17,5 tiêu chí/xã. Trong đó: khu vực miền núi cao: bình quân 15,5 tiêu chí/xã; khu vực miền núi thấp: bình quân 18,5 tiêu chí tiêu chí/xã; khu vực đồng bằng: 19 tiêu chí/xã. Không còn huyện không có xã đạt chuẩn NTM, không còn xã đạt dưới 15 tiêu chí.

c) Xã NTM nâng cao: Phấn đấu đến cuối năm 2025, có thêm ít nhất 58 xã đạt chuẩn NTM nâng cao; đồng thời duy trì 06 xã đã đạt chuẩn NTM nâng cao để nâng tổng số xã đạt chuẩn NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025 lên ít nhất 64 xã, chiếm tỷ lệ ít nhất 41%.

d) Xã NTM kiểu mẫu: Tiếp tục xây dựng xã NTM kiểu mẫu đối với các xã đã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao. Phấn đấu đến cuối năm 2025, có thêm ít nhất 15 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu; đồng thời duy trì 01 xã đã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu, nâng tổng số xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 lên ít nhất 16 xã, chiếm tỷ lệ ít nhất 10,3%.

⁽¹⁾ Không tính xã Quế Trung, huyện Nông Sơn đã lên thị trấn (thị trấn Trung Phước).

⁽²⁾ UBND tỉnh đã kiến nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT tại Công văn số 6622/UBND-KTN ngày 28/9/2023 về việc đề nghị điều chỉnh một số mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

2.2.2. Đối với cấp huyện

a) Đối với huyện NTM: Phần đầu đến cuối năm 2025 có thêm ít nhất từ 03-04 huyện đạt chuẩn NTM, nâng tổng số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn NTM và hoàn thành nhiệm vụ NTM lên ít nhất 08-09 đơn vị cấp huyện, cụ thể:

Huyện: Núi Thành, Tiên Phước, Đại Lộc, Quế Sơn (hoặc theo tên gọi mới sau khi hoàn thành sáp nhập huyện Quế Sơn và huyện Nông Sơn).

b) Đối với huyện NTM nâng cao: Phần đầu đến cuối năm 2025, 02 huyện Phú Ninh và Duy Xuyên đạt chuẩn huyện NTM nâng cao.

c) Thành phố, thị xã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM:

Tiếp tục duy trì, nâng chuẩn theo Bộ tiêu chí NTM cấp huyện giai đoạn 2021-2025: thành phố Tam Kỳ và thị xã Điện Bàn.

Hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM vào năm 2025: thành phố Hội An.

(Chi tiết lộ trình đạt chuẩn NTM cấp huyện, xã theo Phụ lục I kèm theo)

2.2.3. Đối với thôn:

Tiếp tục duy trì, nâng chuẩn 172 thôn đã đạt chuẩn NTM giai đoạn 2016-2020 và chỉ đạo, hỗ trợ 171 thôn đã hỗ trợ giai đoạn 2016-2020 nhưng chưa đạt chuẩn tiếp tục thực hiện để đạt theo Bộ tiêu chí thôn NTM kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025.

Triển khai thực hiện mới 320 thôn phần đầu đạt chuẩn NTM kiểu mẫu trong giai đoạn 2021-2025. Phần đầu đến cuối năm 2025, tổng số thôn đạt chuẩn thôn NTM kiểu mẫu đạt tỷ lệ ít nhất 60%, trong đó miền núi đạt ít nhất 50% số thôn đạt chuẩn thôn NTM kiểu mẫu.

2.2.4. Một số chỉ tiêu khác

- Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2025 tăng ít nhất 1,5 lần so với năm 2020;

- Phần đầu đến cuối năm 2025, tỷ lệ hộ nghèo của toàn tỉnh giảm còn 2,87% theo chuẩn nghèo mới (trong đó, tỷ lệ hộ nghèo thuộc đối tượng bảo trợ xã hội khoảng 1,83%); khu vực đồng bằng còn dưới 1,5%, khu vực miền núi còn khoảng 10%; tỷ lệ nghèo của các huyện nghèo, xã nghèo giảm bình quân từ 3 - 4%/năm; tỷ lệ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm mỗi năm trên 3%/năm.

- Tỷ lệ lao động khu vực nông thôn có bằng cấp, chứng chỉ đạt ít nhất 30%.

- Đến năm 2025, địa bàn nông thôn không còn nhà tạm, nhà dột nát.

- Đến năm 2025, tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt ít nhất 96%, trong đó sử dụng nước sạch đạt ít nhất 60%.

- Đến năm 2025, tỷ lệ dân số ở nông thôn tham gia BHYT đạt 96% trở lên.

- Đến năm 2025, tỷ lệ mạng thông tin ở nông thôn: 100% thôn được phủ sóng 4G, 100% thôn NTM kiểu mẫu có mạng cáp quang; ít nhất 70% xã đã đạt

chuẩn nông thôn mới thực hiện đạt Bộ tiêu chí chuyển đổi số cấp xã (theo Quyết định số 2326/QĐ-UBND ngày 13/8/2021 của UBND tỉnh).

- Phát triển ít nhất 200 km đường hoa (mỗi xã bình quân ít nhất 1km) và ít nhất 1.000 km đường cây xanh bóng mát.

- Nhân rộng ít nhất 300 mô hình điển hình, tiên tiến trong giai đoạn 2021-2025.

- Củng cố, nâng cấp hơn 200 sản phẩm OCOP đã có và phát triển mới ít nhất 200 sản phẩm, nâng tổng số sản phẩm OCOP đến cuối năm 2025 lên ít nhất 400 sản phẩm; có ít nhất 5 sản phẩm chủ lực cấp tỉnh, đạt 5 sao, phát triển theo chuỗi giá trị, liên kết chặt chẽ, quy mô lớn và ứng dụng công nghệ 4.0 trong quản trị chất lượng, tham gia thị trường xuất khẩu.

- 100% cán bộ làm công tác xây dựng NTM được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án của Chương trình NTM; lập kế hoạch có sự tham gia, xây dựng kế hoạch phát triển cộng đồng và nghiệp vụ xây dựng NTM.

- Phần đầu trở thành tỉnh đạt chuẩn NTM trước năm 2035.

(Chi tiết giao mục tiêu, chỉ tiêu thực hiện Chương trình NTM giai đoạn 2021-2025 cho từng địa phương tại Phụ lục II kèm theo)”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm 1.1 khoản 1, khoản 2, khoản 3 mục IV tại Kế hoạch ban hành kèm theo Quyết định số 2105/QĐ-UBND như sau:

“1. Các nguồn lực huy động

1.1. Nguồn vốn trực tiếp của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới từ ngân sách nhà nước các cấp

a) Ngân sách Trung ương: 1.124.293 triệu đồng

- Vốn đầu tư phát triển: 925.275 triệu đồng (trong đó bao gồm 151.125 triệu đồng vốn nước ngoài để thực hiện Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn).

- Kinh phí sự nghiệp: Dự kiến 199.018⁽³⁾ triệu đồng.

b) Đối ứng ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã)

Tổng ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã) đối ứng tối thiểu gấp 1,5 lần (tỷ lệ 1,5:1) tổng vốn ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Đối ứng ngân sách tỉnh: Ngân sách tỉnh đối ứng tối thiểu 1.481.000 triệu đồng trong giai đoạn 2021-2025 (vốn đầu tư phát triển là 785.000 triệu đồng và kinh phí sự nghiệp là 696.000 triệu đồng). Trong quá trình điều hành ngân sách, UBND tỉnh cân đối các nguồn vốn trình HĐND tỉnh bổ sung nguồn lực cho CT

⁽³⁾ Dự kiến 199,018 tỷ đồng kinh phí sự nghiệp NSTW giai đoạn 2021-2025 theo Công văn số 7013/BNN-VPĐP ngày 29/9/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT V/v thông báo dự kiến mức vốn sự nghiệp ngân sách trung ương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2024 và năm 2025.

MTQG xây dựng NTM ngoài mức đối ứng ngân sách tỉnh nêu trên, phần đầu mức cân đối bổ sung bằng hoặc cao hơn ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020 đã bố trí.

- Đối ứng ngân sách cấp huyện, xã

+ Đối ứng theo tiêu chí, định mức

. Đối với 09 huyện, thị xã, thành phố khu vực đồng bằng (Tam Kỳ, Hội An, Điện Bàn, Đại Lộc, Duy Xuyên, Quế Sơn, Thăng Bình, Phú Ninh, Núi Thành): Ngân sách cấp huyện, xã đối ứng ít nhất 30% trên tổng ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh phân bổ cho huyện.

. Đối với 03 huyện miền núi thấp (Tiên Phước, Hiệp Đức, Nông Sơn): Ngân sách huyện, xã đối ứng ít nhất 20% trên tổng ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh phân bổ cho huyện.

. Đối với 06 huyện miền núi cao (Đông Giang, Tây Giang, Nam Giang, Phước Sơn, Nam Trà My, Bắc Trà My): Ngân sách huyện, xã đối ứng ít nhất 10% trên tổng ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh phân bổ cho huyện.

+ Đối ứng thực hiện các tiêu chí NTM đạt mục tiêu đề ra: Ngoài ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ theo tiêu chí, định mức nêu trên, cấp huyện, xã cân đối ngân sách địa phương để bổ sung nguồn lực thực hiện từ các nguồn sau:

. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung theo tiêu chí, định mức hằng năm;

. Nguồn ngân sách cấp huyện, xã (kể cả nguồn tăng thu, vượt thu, tiết kiệm chi) để tập trung đầu tư trực tiếp cho các tiêu chí xây dựng NTM;

. Nguồn thu sử dụng đất trên địa bàn;

. Ngân sách tỉnh hỗ trợ đối ứng cho ngân sách cấp huyện tại Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh.”.

2. Tổng nhu cầu nguồn lực dự kiến huy động thực hiện Chương trình NTM giai đoạn 2021-2025 là: 67.613,293 tỷ đồng, chia ra:

TT	Nội dung	Kết quả 2016-2020 (tỷ đồng)	Dự kiến 2021-2025 (tỷ đồng)	Tỷ lệ (2021- 2025/ 2016- 2020)
	Tổng cộng:	67.794,592	67.613,293	
I	Ngân sách Nhà nước (=1+2)	9.290,535	8.763,293	94%
1	Vốn trực tiếp từ Chương trình NTM (=1.1+1.2+1.3+1.4)	4.307,824	3.655,293	85%
1.1	Ngân sách Trung ương	1.837,400	1.124,293	61%
	- Đầu tư	1.414,700	925,275	65%

TT	Nội dung	Kết quả 2016-2020 (tỷ đồng)	Dự kiến 2021-2025 (tỷ đồng)	Tỷ lệ (2021- 2025/ 2016- 2020)
	- Kinh phí sự nghiệp	422,700	199,018	47%
1.2	Ngân sách tỉnh	1.547,288	1.481,000	96%
	- Đầu tư	1.108,679	785,000	71%
	- Kinh phí sự nghiệp	438,609	696,000	159%
1.3	Ngân sách huyện	698,602	750,000	107%
1.4	Ngân sách xã	224,533	300,000	134%
2	Lồng ghép từ các Chương trình, dự án	4.982,711	5.108,000	103%
II	Vốn tín dụng (doanh số cấp vốn tín dụng thương mại)	56.961,076	57.000,000	100%
III	Vốn doanh nghiệp, HTX	604,434	650,000	108%
IV	Huy động khác và đóng góp của cộng đồng dân cư (quy ra tiền)	938,623	1.200,000	128%

3. Dự kiến kế hoạch bố trí ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh trong giai đoạn 2021-2025

DVT: tỷ đồng

TT	Thời gian	Ngân sách Trung ương			Ngân sách tỉnh		
		Đầu tư	Sự nghiệp	Tổng	Đầu tư	Sự nghiệp	Tổng
1	Năm 2021	-	14,828	14,828	100,000	110,000	210,000
2	Năm 2022	243,240	44,530	287,770	87,000	137,500	224,500
3	Năm 2023	253,682	46,132	299,814	220,000	155,500	375,500
4	Năm 2024	236,795	45,981	345,981	200,000	144,500	344,500
5	Năm 2025	191,558	47,547	175,900	178,000	148,500	326,500
Cộng		925,275	199,018	1.124,293	785,000	696,000	1.481,000

3. Sửa đổi, bổ sung mục V tại Kế hoạch ban hành kèm theo Quyết định số 2105/QĐ-UBND như sau:

“V. CƠ CHẾ THỰC HIỆN

1. Giao kế hoạch vốn đầu tư trung hạn 5 năm 2021-2025 và hằng năm

a) Giao kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025:

UBND tỉnh giao tổng số vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 từ ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh (kể cả giao bổ sung) cho từng địa phương để các địa phương chủ động lập kế hoạch, danh mục công trình chi tiết trình HĐND cấp huyện phê duyệt để thực hiện.

Cuối giai đoạn (năm 2025), trường hợp có điều chỉnh định mức giữa các xã (do thiếu/thừa theo công trình, tỷ lệ hỗ trợ), UBND cấp huyện tổng hợp, báo cáo về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Điều phối NTM tỉnh để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh cho ý kiến trước khi điều chỉnh.

b) Giao kế hoạch hằng năm

- Về giao chỉ tiêu, nhiệm vụ: Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT, Văn phòng Điều phối NTM tỉnh tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua các chỉ tiêu, nhiệm vụ dự kiến giao kế hoạch trong Chương trình NTM trong kế hoạch kinh tế - xã hội hằng năm của tỉnh; căn cứ vào Nghị quyết của HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành Quyết định giao chỉ tiêu, nhiệm vụ thực hiện Chương trình NTM hằng năm.

- Về giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh: Hằng năm, trên cơ sở tổng nguồn vốn đầu tư phát triển được Thủ tướng Chính phủ, HĐND tỉnh giao và căn cứ tiêu chí, định mức, phương án phân bổ vốn của HĐND tỉnh tại Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022, Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 20/7/2022, Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 21/3/2023 của HĐND tỉnh và các Nghị quyết có liên quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT, Văn phòng Điều phối NTM tỉnh tham mưu UBND tỉnh giao chỉ tiêu, kế hoạch tổng số vốn cho các địa phương, trong đó ưu tiên đối với các địa phương phấn đấu đạt chuẩn NTM theo lộ trình hằng năm, 5 năm. UBND cấp huyện chỉ đạo Phòng, ban liên quan tham mưu báo cáo cấp có thẩm quyền giao chi tiết danh mục, cơ cấu nguồn vốn đến từng xã (nếu xã làm chủ đầu tư), Phòng ban liên quan (nếu cấp huyện chủ đầu tư);

- Về giao kế hoạch vốn sự nghiệp từ ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh: Hằng năm, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Văn phòng Điều phối NTM tỉnh và các Sở, ngành liên quan xây dựng dự toán kinh phí sự nghiệp ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình NTM, tổng hợp chung vào dự toán phân bổ thu chi ngân sách địa phương trình HĐND tỉnh xem xét quyết định tại kỳ họp cuối năm. Trên cơ sở tổng nguồn vốn sự nghiệp được Thủ tướng Chính phủ (vốn sự nghiệp ngân sách trung ương), HĐND tỉnh (vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh) giao, Văn phòng Điều phối NTM tỉnh phối hợp với các Sở, ngành liên quan đề xuất

phương án phân bổ theo nội dung thành phần cho các Sở, ngành, địa phương, gửi Sở Tài chính tổng hợp trình UBND tỉnh quyết định theo phân cấp phân bổ của HĐND tỉnh. Trong đó, ưu tiên hỗ trợ phát triển sản xuất, nhân rộng mô hình, nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng hàng hóa, đảm bảo sức cạnh tranh, đẩy mạnh phát triển mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản chủ lực địa phương. UBND cấp huyện căn cứ phương án phân bổ vốn sự nghiệp của UBND tỉnh, phân bổ chi tiết dự toán kinh phí cho các Phòng, ban, chủ đầu tư liên quan và UBND xã để triển khai hiệu quả nguồn vốn được giao và hoàn thành các mục tiêu, đồng thời bố trí đầy đủ vốn đối ứng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách địa phương theo tỷ lệ đối ứng quy định.

2. Cơ chế hỗ trợ

a) Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ để đầu tư các nội dung trong Chương trình NTM theo tỷ lệ, định mức quy định tại Phụ lục II Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh và Quyết định số 2056/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của UBND tỉnh. Ngân sách cấp huyện, xã bố trí đối ứng để thực hiện theo tỷ lệ do HĐND cấp huyện quy định.

b) Đối với vật liệu xây dựng, giống cây trồng, vật nuôi và những hàng hóa khác (do người dân trực tiếp làm ra) khi mua trực tiếp của dân để sử dụng vào các dự án của Chương trình NTM thì giá cả phải phù hợp mặt bằng chung của thị trường trên địa bàn cùng thời điểm; chứng từ để thanh toán là giấy biên nhận mua bán với các hộ dân, có xác nhận của trưởng thôn nơi bán, được UBND xã xác nhận.

c) Kinh phí chi quản lý Chương trình NTM được trích tối đa 1,5% nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ trực tiếp cho Chương trình NTM để chi thực hiện các nhiệm vụ sau: kiểm tra, giám sát, đánh giá chương trình, tổ chức họp triển khai, sơ kết, tổng kết thực hiện chương trình, công tác phí cho cán bộ đi dự các hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tập huấn của trung ương, tỉnh, huyện, tổ chức đi học tập kinh nghiệm và trang thiết bị văn phòng cho các hoạt động của Ban Chỉ đạo, Tổ công tác và cơ quan giúp việc Ban Chỉ đạo các cấp; tổ chức khảo sát, thẩm tra, thẩm định thôn, xã, cấp huyện, cấp tỉnh đạt chuẩn NTM, hoàn thành xây dựng NTM. UBND tỉnh phân bổ cụ thể kinh phí chi cho hoạt động của Ban Chỉ đạo các cấp và cơ quan giúp việc Ban Chỉ đạo các cấp ở địa phương. Căn cứ vào tình hình cụ thể và khả năng ngân sách địa phương, UBND các cấp (tỉnh, huyện, xã) hỗ trợ thêm kinh phí hoạt động cho cơ quan giúp việc Ban Chỉ đạo các cấp từ nguồn ngân sách địa phương.

Đối với việc bố trí kinh phí để thực hiện tập huấn, hướng dẫn, khảo sát, đánh giá, phúc tra, điều tra tiêu chí số 10 về thu nhập theo Công văn số 6999/BKHĐT-TCTK ngày 28/8/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Ngân sách Chương trình NTM và ngân sách tỉnh bố trí thực hiện đối với các nội dung liên quan do cấp tỉnh thực hiện; ngân sách cấp huyện, xã bố trí ngân sách cấp mình để tổ chức điều tra, khảo sát, thu thập thông tin, tổng hợp đối với các địa phương phấn đấu đạt chuẩn NTM/NTM nâng cao/NTM kiểu mẫu/thôn NTM kiểu mẫu theo lộ trình hằng năm (kể cả duy trì chuẩn) theo phân cấp quản lý ngân sách

hiện hành. Mức chi thực hiện theo các nội dung có liên quan quy định tại khoản 7 Điều 4 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính.

d) Nguồn vốn đầu tư thực hiện Chương trình NTM từ ngân sách nhà nước đều phải quản lý và thanh toán tập trung, thống nhất qua Kho bạc Nhà nước. Đối với các nguồn đóng góp bằng hiện vật và ngày công lao động hoặc công trình hoàn thành, căn cứ đơn giá hiện vật và giá trị ngày công lao động, để hạch toán vào giá trị công trình, dự án để theo dõi, quản lý, không hạch toán vào thu, chi ngân sách nhà nước (thực hiện đúng theo Phụ lục IV kèm theo Quyết định này).

đ) Kinh phí duy tu, bảo dưỡng và vận hành các công trình đầu tư sau khi đã hoàn thành đưa vào sử dụng: Căn cứ vào tình hình thực tế, UBND cấp huyện, xã cân đối báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí duy tu bảo dưỡng công trình sau khi đã hoàn thành đưa vào sử dụng từ ngân sách địa phương (cấp huyện, xã).

e) Hộ nghèo tham gia trực tiếp lao động để xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của địa phương được chính quyền địa phương xem xét, trả thù lao theo mức phù hợp với mức tiền lương chung của thị trường lao động tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương. UBND xã xem xét, quyết định mức thù lao cụ thể sau khi trình Thường trực HĐND cùng cấp.

g) Việc lập dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước thực hiện các nội dung hỗ trợ trong Chương trình NTM theo quy định tại Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính và các quy định có liên quan.

3. Cơ chế quản lý đầu tư thực hiện các công trình, dự án, mô hình, phương án thuộc Chương trình NTM

a) HĐND cấp huyện, xã tăng cường giám sát việc thực hiện của UBND cùng cấp. Trên cơ sở vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 trong Chương trình NTM được UBND tỉnh phân bổ cho từng địa phương, UBND cấp huyện trình HĐND cấp huyện phê duyệt danh mục chi tiết công trình đầu tư công trung hạn trong Chương trình NTM giai đoạn 2021-2025 (*danh mục công trình phải nằm trong nội dung đầu tư của Chương trình NTM và phải nêu rõ cơ cấu nguồn vốn của từng cấp ngân sách theo quy định tại phụ lục II Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh, kể cả các danh mục công trình đã thực hiện trong năm 2021, 2022*) đảm bảo hiệu quả, chất lượng, hạn chế đầu tư dàn trải, không để xảy ra lãng phí trong đầu tư, nợ đọng xây dựng cơ bản, huy động quá sức trong dân. Đồng thời, tránh chồng chéo, trùng lặp địa bàn, phạm vi, đối tượng đầu tư với 02 Chương trình MTQG còn lại (MTQG giảm nghèo bền vững và MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và miền núi) theo chỉ đạo trung ương; làm cơ sở cho UBND cấp huyện thẩm định nguồn, quyết định danh mục đầu tư trong Chương trình NTM để thực hiện hằng năm; trường hợp danh mục công trình trung hạn 5 năm có điều chỉnh lớn hơn tổng mức đầu tư đã duyệt hoặc thay đổi danh mục công trình trong kế hoạch trung hạn thì UBND cấp huyện báo cáo HĐND cấp huyện thống nhất.

b) UBND cấp huyện phân bổ vốn chi tiết theo danh mục, nguồn vốn và bố trí vốn ngân sách địa phương, huy động đóng góp của nhân dân, tổ chức, doanh

nghiệp (nếu có) hằng năm đúng nội dung, mục tiêu, đối tượng, tỷ lệ hỗ trợ, phạm vi của Chương trình NTM giai đoạn 2021-2025 được cấp thẩm quyền thông qua.

c) Chủ đầu tư:

- Chủ đầu tư các dự án xây dựng công trình cơ sở hạ tầng thuộc Chương trình NTM trên địa bàn xã có tổng mức đầu tư dưới 05 tỷ đồng là UBND xã (*đại diện là Ban Quản lý xã do UBND xã quyết định thành lập*). Trường hợp trình độ, năng lực của UBND xã hạn chế trong quản lý đầu tư, UBND cấp huyện có quyết định quy định mức UBND xã làm chủ đầu tư cho phù hợp nhưng không thấp hơn 01 tỷ đồng.

- Đối với các công trình có yêu cầu kỹ thuật cao (không thuộc danh mục công trình xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp), đòi hỏi có trình độ chuyên môn mà UBND xã không đủ năng lực và có văn bản không nhận làm chủ đầu tư thì Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cho 01 đơn vị có đủ năng lực ở cấp huyện làm chủ đầu tư (*đại diện là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp huyện làm chủ đầu tư hoặc các Phòng, ban có đủ năng lực làm chủ đầu tư do UBND cấp huyện Quyết định*) và có sự tham gia của Ủy ban nhân dân xã.

- Đối với công trình có tổng mức đầu tư trên 05 tỷ đồng và các công trình hạ tầng thực hiện tiêu chí huyện NTM do UBND cấp huyện làm chủ đầu tư (*đại diện là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp huyện làm chủ đầu tư hoặc các Phòng, ban có đủ năng lực làm chủ đầu tư do UBND cấp huyện Quyết định*).

- Riêng đối với nội dung hỗ trợ di dời trụ điện, trụ viễn thông trong xây dựng NTM, tùy điều kiện cụ thể về hiện trạng, năng lực, khả năng thực hiện, UBND cấp huyện quyết định Phòng, ban, đơn vị liên quan hoặc UBND xã làm chủ đầu tư cho phù hợp (không thực hiện di dời trụ điện, trụ viễn thông trên địa bàn thị trấn, phường). Các địa phương tổ chức lập hồ sơ, thủ tục liên quan, triển khai thực hiện di dời trụ điện, trụ viễn thông nằm trên mặt đường do mở rộng đường trong xây dựng nông thôn mới đảm bảo trình tự, thủ tục theo các quy định pháp luật hiện hành về đầu tư công, đầu tư xây dựng cơ bản, đấu thầu và quy định pháp luật khác có liên quan.

d) Thẩm định, phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình:

- Đối với công trình dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp (*gọi là công trình được áp dụng theo cơ chế đặc thù theo quy định của UBND tỉnh tại Quyết định số 2814/QĐ-UBND ngày 19/10/2022*) có tổng mức đầu tư đến 05 tỷ đồng: UBND xã thẩm định, phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng đơn giản (*gọi là hồ sơ xây dựng công trình đơn giản*) đối với công trình đặc thù; trường hợp UBND xã không đủ năng lực thẩm định, có văn bản đề nghị thì UBND cấp huyện giao cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp huyện thẩm định và thông báo kết quả thẩm định cho UBND xã trước khi UBND xã phê duyệt.

- Đối với công trình khác không thuộc danh mục công trình đặc thù có tổng mức đầu tư đến 05 tỷ đồng: Ban Quản lý xã lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, gửi cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp huyện thẩm định, UBND cấp xã phê duyệt.

- UBND cấp huyện thẩm định, phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình/báo cáo kinh tế kỹ thuật/dự án có tổng mức đầu tư từ 05 tỷ đồng trở lên thuộc vốn Chương trình NTM.

đ) Cơ chế đầu tư:

- Đối với các dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp (công trình áp dụng theo cơ chế đầu tư đặc thù): Thực hiện theo Chương IV Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ và các nội dung sửa đổi, bổ sung tại khoản 8, khoản 9, khoản 10 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ và các văn bản triển khai của UBND tỉnh (Quyết định số 41/2022/QĐ-UBND ngày 26/12/2022, Quyết định số 42/2022/QĐ-UBND ngày 29/12/2022, Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND ngày 08/5/2023, Quyết định số 760/QĐ-UBND ngày 13/4/2023 của UBND tỉnh), quy định, hướng dẫn của Sở Xây dựng (Hướng dẫn số 01/HD-SXD ngày 31/3/2023, Quyết định số 114/QĐ-SXD ngày 12/6/2023...) và các quy định có liên quan.

Tỷ lệ số công trình thực hiện theo cơ chế đầu tư đặc thù trong giai đoạn 2021-2025 ở cấp huyện như sau:

+ Đối với các huyện miền núi cao (Tây Giang, Đông Giang, Nam Giang, Phước Sơn, Bắc Trà My, Nam Trà My): Tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù tối thiểu đạt 10% trong tổng số các danh mục loại dự án áp dụng cơ chế đặc thù của các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn.

+ Đối với các huyện miền núi thấp (Tiên Phước, Hiệp Đức, Nông Sơn): Tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù tối thiểu đạt 15% trong tổng số các danh mục loại dự án áp dụng cơ chế đặc thù của các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn.

+ Đối với các huyện, thị xã, thành phố còn lại: Tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù tối thiểu đạt 20% trong tổng số các danh mục loại dự án áp dụng cơ chế đặc thù của các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn.

Tùy tình hình và điều kiện thực tế của từng địa phương, UBND cấp huyện quyết định tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù đối với từng xã cho từng năm nhưng đảm bảo đến cuối năm 2025 phải đạt được tỷ lệ tối thiểu về số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện cơ chế đặc thù như nêu trên trên địa bàn cấp huyện.

Việc thực hiện lựa chọn nhà thầu trong thực hiện cơ chế đầu tư đặc thù thực hiện theo Điều 17 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ. Trong trường hợp đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định nhưng không lựa chọn được nhà thầu là các nhóm đối tượng quy định tại Điều 17 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP thì chủ đầu tư xem xét quy định về xử lý tình huống trong đấu thầu tại khoản 15 Điều 117 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ để lựa chọn hình thức lựa chọn nhà thầu khác nhằm

đảm bảo quy định của pháp luật về đấu thầu, trên cơ sở bảo đảm các mục tiêu của đấu thầu là cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế.

- Đối với các dự án khác (các dự án không thuộc danh mục các dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp) thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành (*Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, Luật Ngân sách Nhà nước, các Nghị định, Thông tư của các Bộ, ngành..., Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh ban hành Quy định thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; Quyết định số 16/2023/QĐ-UBND ngày 31/8/2023 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 5 và điểm a khoản 1 Điều 8 của Quy định thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Nam ban hành kèm theo Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh; Quyết định số 34/2022/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh ban hành Quy định thẩm quyền quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; cơ chế chỉ đạo, điều hành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước, kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hằng năm của UBND tỉnh*).

- Quyết toán công trình hoàn thành: Dự án đầu tư, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc hồ sơ xây dựng công trình đơn giản do UBND, Chủ tịch UBND cấp nào phê duyệt thì quyết toán công trình do cơ quan, bộ phận tài chính cấp đó chủ trì tham mưu cho UBND, Chủ tịch UBND cùng cấp phê duyệt. Đối với cấp xã, trường hợp bộ phận tài chính không đủ năng lực thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, Ban Quản lý xã báo cáo UBND xã lựa chọn một trong các hình thức sau: (i) Thuê tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, trên cơ sở kết quả kiểm toán, bộ phận chức năng thuộc UBND xã nêu trên lập báo cáo thẩm tra trình UBND xã phê duyệt quyết toán hoặc (ii) đề nghị Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành để UBND xã phê duyệt quyết toán.

Trường hợp UBND cấp huyện có quy định biện pháp quản lý, điều hành kinh tế - xã hội của huyện, trong đó có nội dung chỉ đạo kiểm toán độc lập khi quyết toán dự án hoàn thành thì thực hiện theo quản lý điều hành của UBND cấp huyện.

e) Dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị và hỗ trợ phát triển sản xuất khác: Thực hiện theo khoản 11, khoản 12 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ, Điều 5 và khoản 1, khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 14/10/2022 của HĐND tỉnh, Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 14/10/2022 của HĐND tỉnh, Quyết định số 2272/QĐ-UBND ngày 20/10/2023 của UBND tỉnh.

g) Hỗ trợ rà soát quy hoạch (*đối tượng ưu tiên rà soát quy hoạch là các xã phấn đấu đạt chuẩn NTM, xã NTM nâng cao, xã NTM kiểu mẫu, các xã thuộc các huyện phấn đấu đạt chuẩn huyện NTM, các xã có tốc độ phát triển lớn và các xã nằm một phần trong các quy hoạch chuyên ngành để khớp nối quy*

hoạch): UBND cấp huyện thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ và dự toán quy hoạch, mức vốn đối ứng địa phương để UBND xã tổ chức thực hiện.

h) Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở: UBND cấp huyện thẩm định, phê duyệt dự án/phương án và dự toán chi tiết, mức vốn đối ứng địa phương để Phòng, ban hoặc UBND xã tổ chức thực hiện.

i) Hỗ trợ thực hiện các Chương trình chuyên đề (*Chương trình mỗi xã một sản phẩm; Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới; Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh; Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới, môi trường, chuyển đổi số*): Thực hiện theo Quyết định số 1141/QĐ-UBND ngày 02/6/2023 của UBND tỉnh về việc giao chủ đầu tư và ủy quyền thẩm định, phê duyệt các mô hình thí điểm thuộc các Chương trình chuyên đề trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 - 2025.

k) Hỗ trợ cảnh quan môi trường nông thôn (*phát triển đường cây xanh, bóng mát: Ưu tiên phát triển cây xanh bóng mát đối với các tuyến ĐH ở các huyện phấn đấu đạt chuẩn NTM, các tuyến đường trục xã, thôn ở các xã phấn đấu đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu, các tuyến đường vào các khu dân cư tập trung đối với miền núi*): UBND cấp huyện thẩm định, phê duyệt dự án/phương án và dự toán chi tiết, mức vốn đối ứng địa phương để Phòng, ban hoặc UBND xã tổ chức thực hiện. Tùy điều kiện năng lực, UBND cấp huyện có thể ủy quyền cho Thủ trưởng Phòng, ban hoặc Chủ tịch UBND xã phê duyệt phương án/dự toán chi tiết để tổ chức thực hiện.

l) Cơ chế quản lý, thực hiện xây dựng thôn NTM kiểu mẫu:

- Phương án xây dựng thôn NTM kiểu mẫu: UBND cấp huyện phê duyệt phương án, khung kế hoạch xây dựng thôn NTM kiểu mẫu, mức vốn đối ứng ngân sách địa phương đối với từng thôn trên địa bàn. Kinh phí hỗ trợ được giao cho UBND xã quản lý, thực hiện việc hỗ trợ cho Ban Phát triển thôn hoặc bộ phận liên quan (theo tính chất, nội dung công việc) để triển khai xây dựng thôn NTM kiểu mẫu theo Phương án/Kế hoạch được UBND cấp huyện phê duyệt; Trên cơ sở phương án, khung kế hoạch được UBND cấp huyện phê duyệt, UBND xã phê duyệt dự toán chi tiết từng nội dung, hạng mục, làm cơ sở để thôn và bộ phận liên quan tổ chức thực hiện, lập hồ sơ thanh toán. UBND xã chịu trách nhiệm thanh toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước. Được áp dụng theo các mức chi, mức hỗ trợ có liên quan được HĐND tỉnh, UBND tỉnh thống nhất theo các Chương trình, Đề án, dự án, quy định còn hiệu lực hoặc các định mức kinh tế - kỹ thuật được cấp có thẩm quyền ban hành; đối với các nội dung không có mức chi cụ thể thì lập dự toán theo giá thị trường trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để tổ chức thực hiện.

- Kinh phí xây dựng thôn NTM kiểu mẫu được thực hiện theo phương châm: *Nhà nước chỉ hỗ trợ một phần kinh phí (trong đó ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 500 triệu đồng/thôn; ngân sách cấp huyện, xã đối ứng tối thiểu 200 triệu*

đồng/thôn), để làm nền tảng huy động nguồn lực từ các nguồn, phần hỗ trợ này không phải là dự án đầu tư, phần còn lại chủ yếu là vận động trong nhân dân tự nguyện đóng góp để thực hiện. Khuyến khích các địa phương vận động doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và người con xa quê hỗ trợ để xây dựng thôn NTM kiểu mẫu tại địa phương.

Đối với thôn đã đạt chuẩn trong giai đoạn 2016 - 2020 và các thôn giai đoạn 2016 - 2020 đã được hỗ trợ ngân sách tỉnh nhưng chưa đạt chuẩn, trước mắt, đề nghị cân đối ngân sách địa phương (cấp huyện, xã) và lồng ghép từ các nguồn để thực hiện duy trì/đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí thôn NTM kiểu mẫu giai đoạn 2022-2025. Khi có nguồn vượt thu, tăng thu, tiết kiệm chi, UBND tỉnh sẽ xem xét hỗ trợ cho các thôn duy trì, nâng chuẩn theo Bộ tiêu chí thôn NTM kiểu mẫu giai đoạn 2022-2025.

Riêng các thôn ở các xã đã đạt chuẩn NTM, tùy điều kiện mỗi thôn, UBND các xã cân đối ít nhất 100 triệu đồng/thôn từ nguồn duy trì chuẩn ngân sách tỉnh hỗ trợ hằng năm (500 triệu đồng/xã/năm) để thực hiện duy trì chuẩn cho các thôn đã đạt chuẩn từ năm 2021 trở về trước (nội dung chi thực hiện theo quy định của thôn NTM kiểu mẫu).

- Nội dung chi: Chi tập huấn, hội nghị, thông tin, tuyên truyền, in tờ rơi, lắp đặt pano tuyên truyền các nội dung liên quan; chi phát động xây dựng thôn NTM kiểu mẫu, công bố thôn đạt chuẩn thôn NTM kiểu mẫu; chi điều tra sự hài lòng của người dân; chi tham gia các cuộc thi thôn NTM kiểu mẫu do cấp trên tổ chức; chi đề tổ chức điều tra, xây dựng phương án/kế hoạch thực hiện thôn NTM kiểu mẫu và chi công tác quản lý chỉ đạo, tổng kết, đánh giá xét công nhận: Không quá 5% ngân sách nhà nước hỗ trợ; chi xây dựng cảnh quan môi trường nông thôn, hỗ trợ dụng cụ, trang thiết bị thu gom, tập kết, xử lý chất thải sinh hoạt (thùng đựng, xe đẩy rác,...), hỗ trợ một phần kinh phí xây dựng hệ thống xử lý chất thải, nước thải trong chăn nuôi; hỗ trợ xây bồn hoa, trồng hoa, cây xanh bóng mát, hàng rào xanh, hàng rào xếp đá, cải tạo vườn tạp, di dời chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường; chi công, vật tư vẽ tranh bích họa; chi truyền thông về môi trường; xây dựng các mô hình về bảo vệ môi trường để học tập, nhân rộng; chi tập huấn phân loại, giảm thiểu rác thải tại nguồn; hỗ trợ một phần mua tủ thuốc gia đình; chi mua thiết bị, vật tư để lắp điện chiếu sáng (*ưu tiên điện chiếu sáng bằng năng lượng mặt trời*); hỗ trợ vật tư để đúc trụ hoặc mua trụ di dời trụ điện giữa đường; chi mua vật tư để đúc mốc, lắp đặt biển báo giao thông; chi mua sắm các thiết bị văn hóa - thông tin, mua sắm thiết bị loa truyền thanh thôn, dụng cụ thể dục thể thao cho nhà văn hóa, khu thể thao thôn; đầu tư wifi ban đầu cho nhà văn hóa thôn; mua thiết bị vui chơi giải trí cho trẻ em-người cao tuổi; mua vật liệu làm nhà vệ sinh nhà văn hóa thôn; mua vật liệu làm cổng làng/thôn văn hóa; trồng hoa, cây xanh nhà văn hóa thôn; hỗ trợ mua vật tư sửa chữa các đường ống dẫn nước sinh hoạt tập trung của thôn; chi hỗ trợ xây dựng mô hình VAC, hỗ trợ người dân phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập bằng kinh tế vườn, kinh tế trang trại hoặc hỗ trợ người dân trên địa bàn thôn phát triển kinh tế hộ với các ngành nghề phi nông nghiệp, trong đó ưu tiên hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn có điều kiện thực hiện (mức

hỗ trợ cụ thể cho từng hộ do cộng đồng quyết định); hỗ trợ công trình vệ sinh cho hộ nghèo; hỗ trợ phương tiện nghe - xem cho hộ nghèo; xây dựng các mô hình tự quản về an ninh trật tự; hỗ trợ lắp đặt camera ở một số địa điểm trọng yếu của thôn; hỗ trợ các nội dung cần thiết khác để phục vụ các tiêu chí thôn NTM kiểu mẫu được đa số (trên 70%) hộ dân trong thôn tham gia cuộc họp thống nhất. Kinh phí hỗ trợ trực tiếp các nội dung nêu trên **không đầu tư vào các hạng mục xây dựng cơ bản.**

m) Cơ chế quản lý, thực hiện hỗ trợ nhân rộng các mô hình điển hình, tiên tiến:

- Nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến trong xây dựng NTM: Ưu tiên nhân rộng các mô hình hiệu quả đã ứng dụng trong thực tiễn, các mô hình có nhiều đối tượng hưởng lợi, nhất là các đối tượng yếu thế trong xã hội, các mô hình phát triển kinh tế nông thôn gắn với chuyển đổi số, các mô hình liên kết chuỗi giá trị gắn tiêu thụ sản phẩm, nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng hàng hóa, các mô hình gắn với việc thực hiện các phong trào thi đua có sức lan tỏa gắn với sự vào cuộc của các Hội, đoàn thể các cấp;

- Kinh phí hỗ trợ nhân rộng các mô hình điển hình, tiên tiến:

- + Đối với kinh phí giao cho Sở, ngành ở tỉnh: Thủ trưởng Sở, ngành xây dựng, thẩm định phương án/kế hoạch, dự toán chi tiết để thực hiện;

- + Đối với kinh phí giao các Phòng, ban, đoàn thể cấp huyện thì gửi phương án/kế hoạch, dự toán chi tiết cho Phòng Tài chính Kế hoạch cấp huyện thẩm định, bố trí đối ứng để thực hiện (tùy điều kiện năng lực, UBND cấp huyện có thể ủy quyền cho Thủ trưởng Phòng, ban được giao kinh phí phê duyệt phương án/dự toán chi tiết để tổ chức thực hiện); đối với kinh phí giao UBND xã thì UBND xã tổ chức thẩm định và phê duyệt kế hoạch/phương án, dự toán chi tiết để thực hiện và bố trí đối ứng theo quy định.

Căn cứ xây dựng kế hoạch, dự toán đối với từng lĩnh vực điển hình, tiên tiến là các quy định hiện hành của Nhà nước, các định mức kinh tế - kỹ thuật có liên quan đến từng lĩnh vực cần nhân rộng, đối với những nội dung chưa có quy định, định mức thì tham khảo theo giá trị trường trên địa bàn tại cùng thời điểm để lập dự toán.

n) Kinh phí duy trì chuẩn, nâng chuẩn ở xã đã đạt chuẩn NTM: UBND xã xây dựng phương án sử dụng nguồn kinh phí ngân sách tỉnh hỗ trợ để duy trì, giữ chuẩn, nâng chuẩn theo Bộ tiêu chí xã NTM giai đoạn 2022-2025 hoặc các nội dung phục vụ cho tiêu chí xã NTM nâng cao, kiểu mẫu, kể cả duy trì, nâng chuẩn cho các thôn đã đạt chuẩn hoặc làm thêm thôn NTM kiểu mẫu, báo cáo HĐND xã (hoặc báo cáo Thường trực HĐND cấp xã nếu chưa tổ chức được kỳ họp HĐND xã) có ý kiến thống nhất bằng văn bản để tổ chức thực hiện. Trong đó: Các nội dung phương án thực hiện duy trì, giữ chuẩn, nâng chuẩn phải phù hợp với tính chất nguồn kinh phí sự nghiệp (không dùng nguồn này để đầu tư xây dựng cơ bản, sửa chữa, nâng cấp duy tu, bảo dưỡng), Ban Quản lý xã lập dự toán chi tiết, trình UBND xã phê duyệt để thực hiện và thanh, quyết toán theo đúng các quy định hiện hành (*căn cứ xây dựng kế hoạch, dự toán duy trì, nâng*

chuẩn là các quy định hiện hành của Nhà nước, các định mức kinh tế - kỹ thuật có liên quan đến từng tiêu chí cần duy trì, nâng chuẩn, các nội dung có tính chất sự nghiệp tại Phụ lục II Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh; đối với những nội dung chưa có quy định, định mức thì tham khảo theo giá trị trường trên địa bàn tại cùng thời điểm để lập dự toán).

o) Đối với kinh phí sự nghiệp thực hiện các nội dung còn lại (bồi dưỡng, tập huấn; đào tạo nghề cho lao động nông thôn; truyền thông, tuyên truyền; phát huy vai trò của chính quyền, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM; thực hiện các phong trào thi đua; nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; chi phí quản lý, điều hành và các nội dung liên quan khác do cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ, phân bổ kinh phí):

- Đối với kinh phí giao cho các Sở, ngành, đoàn thể thì các Sở, ngành, đoàn thể lập kế hoạch thực hiện và Thủ trưởng Sở, ngành thẩm định, phê duyệt dự toán chi tiết để tổ chức thực hiện. Riêng kinh phí phục vụ các hoạt động của Ban Chỉ đạo tỉnh và bộ phận giúp việc để thực hiện các nội dung của Chương trình NTM do ngân sách Nhà nước bảo đảm (được bố trí qua Sở Nông nghiệp và PTNT để thẩm định, phân bổ chi tiết cho Văn phòng Điều phối NTM tỉnh để tổ chức thực hiện).

- Đối với kinh phí giao cho các Phòng, ban, đoàn thể thì các Phòng, ban, đoàn thể lập kế hoạch thực hiện và dự toán chi tiết, gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện thẩm định để tổ chức thực hiện (tùy điều kiện năng lực, UBND cấp huyện có thể ủy quyền cho Thủ trưởng Phòng, ban được giao kinh phí phê duyệt kế hoạch/dự toán chi tiết để tổ chức thực hiện).

- Đối với kinh phí giao cho Ban Quản lý xã thì Ban Quản lý xã lập kế hoạch thực hiện và dự toán chi tiết, trình UBND xã phê duyệt, làm cơ sở tổ chức thực hiện.

4. Việc thực hiện xây dựng NTM đối với xã lên phường, thị trấn hoặc đối với những xã, huyện nằm trong lộ trình sắp nhập giai đoạn 2023-2025

a) Đối với những xã được giao vốn từ Chương trình NTM (vốn đầu tư và kinh phí sự nghiệp), khi có quyết định của cấp thẩm quyền công nhận đơn vị hành chính từ xã lên đơn vị hành chính là thị trấn hoặc phường thì UBND cấp huyện chủ động chỉ đạo UBND xã sớm hoàn thiện thủ tục để giải ngân trước ngày Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội công nhận xã lên thị trấn hoặc phường có hiệu lực và không phân bổ vốn từ Chương trình NTM về sau; đồng thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét chủ trương đối với vốn chưa sử dụng hết (nếu có).

b) Đối với những địa phương nằm trong lộ trình sắp xếp giai đoạn 2023-2025 theo Thông báo số 601-TB/TU ngày 30/8/2023 Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023 - 2025:

- Đối với xã đã đạt chuẩn NTM hoặc đã đạt chuẩn NTM nâng cao được sắp xếp với nhau (hình thành sau sắp xếp **cùng mức đạt chuẩn NTM** đã được cấp thẩm quyền công nhận): Sau khi có quyết định sắp xếp đơn vị hành chính

của cấp có thẩm quyền, UBND cấp huyện chỉ đạo UBND xã rà soát, lập Báo cáo việc thực hiện các tiêu chí NTM/NTM nâng cao của xã sau sắp xếp (theo mẫu số 03 kèm theo Quyết định số 3387/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh đối với xã NTM hoặc mẫu số 3 kèm theo Quyết định số 1068/QĐ-UBND ngày 26/5/2023 của UBND tỉnh đối với xã NTM nâng cao; trong báo cáo này có xác nhận của UBND cấp huyện đã đạt chuẩn theo các tiêu chí NTM/NTM nâng cao theo quy định), kèm theo Tờ trình của UBND cấp huyện trình UBND tỉnh **thừa nhận** xã đạt chuẩn NTM/đạt chuẩn NTM nâng cao trong giai đoạn 2021-2025 (năm thừa nhận là năm xã đáp ứng đầy đủ các điều kiện và mức đạt chuẩn theo quy định).

- Đối với xã đã đạt chuẩn NTM sắp xếp với xã đã đạt chuẩn NTM nâng cao (hình thành sau sắp xếp **khác mức đạt chuẩn NTM** đã được cấp thẩm quyền công nhận): Các địa phương có liên quan rà soát, triển khai tổ chức thực hiện các tiêu chí xây dựng xã NTM nâng cao đối với xã hình thành sau sắp xếp giữa xã đã được công nhận đạt chuẩn NTM nâng cao với xã đã được công nhận đạt chuẩn NTM. Khi xã đã đảm bảo đáp ứng đầy đủ các điều kiện và mức đạt chuẩn NTM nâng cao theo quy định, UBND cấp huyện thực hiện trình UBND tỉnh **công nhận** xã đạt chuẩn NTM nâng cao theo quy trình quy định tại Quyết định số 1068/QĐ-UBND ngày 26/5/2023 của UBND tỉnh.

- Đối với thôn sau khi sắp xếp, UBND cấp huyện chỉ đạo UBND xã rà soát, lập Báo cáo tiêu chí thôn NTM kiểu mẫu ở thôn sau sắp xếp (báo cáo theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Quyết định số 3487/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của UBND tỉnh), kèm theo Tờ trình UBND xã đề trình UBND cấp huyện **thừa nhận** đối với thôn hình thành sau sắp xếp **giữa các thôn đã đạt chuẩn** (năm thừa nhận là năm thôn đáp ứng đầy đủ các điều kiện và mức đạt chuẩn theo quy định) hoặc chỉ đạo UBND xã lập thủ tục trình UBND cấp huyện **công nhận** thôn đạt chuẩn thôn NTM kiểu mẫu hình thành sau sắp xếp theo quy trình quy định tại Quyết định số 3487/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của UBND tỉnh đối với thôn hình thành sau sắp xếp **giữa thôn đã đạt chuẩn và thôn chưa đạt chuẩn**.

- Thực hiện chế độ, chính sách trong Chương trình NTM đối với đơn vị hành chính cấp huyện, xã hình thành sau sắp xếp:

+ Đơn vị hành chính cấp huyện, xã, thôn thuộc đối tượng đang hưởng chế độ, chính sách của Chương trình NTM sắp xếp với nhau thì tiếp tục thực hiện các chế độ, chính sách theo Chương trình NTM như trước thời điểm sắp xếp cho đến khi cấp có thẩm quyền ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc cho đến hết thời hạn của Chương trình NTM theo giai đoạn. Riêng đối với xã sắp xếp với thị trấn thì thực hiện chính sách của Chương trình NTM đến thời điểm như quy định tại khoản a nêu trên.

Trong quá trình thực hiện chế độ, chính sách của Chương trình NTM đối với các xã, huyện có lộ trình sắp xếp, đề nghị UBND các địa phương rà soát lại các nội dung, công trình thực hiện để báo cáo cấp có thẩm quyền điều chỉnh cho phù hợp với lộ trình sắp xếp, **hạn chế lãng phí trong đầu tư sau khi sắp xếp**,

trong đó chú trọng đầu tư các tiêu chí, công trình phục vụ sản xuất, dân sinh (như giao thông, thủy lợi, điện, nước sạch, chất lượng môi trường sống...).

+ Đơn vị hành chính cấp huyện, xã, thôn đang được hưởng chính sách theo Chương trình NTM nếu sau sắp xếp mà thay đổi tên gọi thì sử dụng tên gọi mới của đơn vị hành chính để tiếp tục tổ chức thực hiện các chính sách như trước khi thực hiện sắp xếp.

5. Cơ chế quản lý, điều hành thực hiện Chương trình NTM:

Thực hiện theo cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022, Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ, Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính và các Nghị quyết của HĐND tỉnh, văn bản triển khai của UBND tỉnh có liên quan.

6. Công nhận xã, cấp huyện, thôn đạt chuẩn, duy trì chuẩn NTM:

- UBND tỉnh thẩm định và quyết định công nhận: Xã đạt chuẩn NTM, xã đạt chuẩn NTM nâng cao, xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu.

- UBND tỉnh thẩm tra, đề nghị Trung ương thẩm định, công nhận: Huyện đạt chuẩn NTM, huyện đạt chuẩn NTM nâng cao, huyện đạt chuẩn NTM kiểu mẫu, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM (đối với cấp huyện phân đầu mới trong giai đoạn 2021-2025).

- Đối với các huyện, xã đã đạt chuẩn NTM giai đoạn 2011-2021 không công nhận lại; hằng năm, các huyện, xã rà soát mức độ duy trì, nâng chuẩn theo bộ tiêu chí mới giai đoạn 2022-2025 để có kế hoạch duy trì các tiêu chí đã đạt và nâng chuẩn các tiêu chí chưa đạt; trong vòng 5 năm kể từ năm đạt chuẩn, khi xét thấy khả năng đã đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí mới giai đoạn 2022-2025, các địa phương tự tổ chức đánh giá theo Bộ tiêu chí NTM giai đoạn 2022-2025 (*bắt đầu tổ chức đánh giá từ năm thứ 3 sau năm được công nhận đạt chuẩn NTM, nhưng không quá 5 năm*) và gửi văn bản, hồ sơ có liên quan cho các Sở, ngành phụ trách các tiêu chí NTM để thẩm định (đối với xã NTM), thẩm tra (đối với huyện NTM), trên cơ sở đó các Sở, ngành phụ trách các tiêu chí NTM rà soát và có văn bản thẩm định lại mức độ duy trì, nâng chuẩn theo Bộ tiêu chí mới gửi Văn phòng Điều phối NTM tỉnh (*nếu duy trì đủ các tiêu chí theo Bộ tiêu chí mới; nếu chưa duy trì chuẩn theo tiêu chí mới thì có văn bản đề nghị địa phương tiếp tục thực hiện, khắc phục các nội dung chưa đạt*) để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh Thông báo các địa phương đủ điều kiện duy trì, nâng chuẩn theo Bộ tiêu chí mới giai đoạn 2022-2025.

Việc đánh giá duy trì chuẩn xã NTM thực hiện theo Điều 29 Quyết định số 3387/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh; đánh giá duy trì chuẩn xã NTM nâng cao thực hiện theo Điều 34 Quyết định số 1068/QĐ-UBND ngày 26/5/2023 của UBND tỉnh.

- UBND cấp huyện thẩm định và quyết định công nhận thôn đạt chuẩn thôn NTM kiểu mẫu giai đoạn 2022-2025. Đối với các thôn đã đạt chuẩn NTM

(đạt chuẩn khu dân cư NTM kiểu mẫu hoặc đạt chuẩn thôn NTM) giai đoạn 2016-2021, trong vòng 5 năm kể từ năm đạt chuẩn NTM, UBND xã tổ chức đánh giá (*bắt đầu tổ chức đánh giá từ năm thứ 3 sau năm được công nhận đạt chuẩn NTM, nhưng không quá 5 năm*) và gửi UBND cấp huyện để tổng hợp, thẩm định và Thông báo danh sách thôn đủ điều kiện duy trì, nâng chuẩn theo Bộ Tiêu chí thôn NTM kiểu mẫu giai đoạn 2022-2025.

Việc đánh giá duy trì chuẩn thôn NTM kiểu mẫu thực hiện theo Điều 17 Quyết định số 3487/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của UBND tỉnh”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các nội dung khác tại Quyết định số 2105/QĐ-UBND ngày 11/8/2022 của UBND tỉnh không thuộc phạm vi sửa đổi, bổ sung tại Quyết định này vẫn còn hiệu lực thi hành.

Đối với các nội dung đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền và các quy định của pháp luật có liên quan.

Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu để áp dụng tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Trưởng Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, Hội, đoàn thể cấp tỉnh; Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã có triển khai thực hiện Chương trình NTM và thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT TU, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UB MTTQ VN tỉnh
- Huyện ủy, thị ủy, thành ủy, HĐND các huyện, thị xã, thành phố;
- CPVP;
- Lưu: VT, KTTH, KTN_(Th).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Anh Tuấn



Phụ lục I.

LỘ TRÌNH CẤP HUYỆN, XÃ PHẢN ĐÁU ĐẠT CHUẨN, DUY TRÌ CHUẨN THEO BỘ TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 2690/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Quảng Nam)

TT	Địa phương	Tiêu chí đạt chuẩn đến ngày 31/12/2020 (theo Bộ tiêu chí 2016-2020)		Lộ trình phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025							Ghi chú
		Số lượng	Tên tiêu chí	Xã trong lộ trình đạt chuẩn xã NTM giai đoạn 2021- 2025	Duy trì, nâng chuẩn theo Bộ tiêu chí 2021-2025	Xã NTM nâng cao	Xã NTM kiểu mẫu	Đạt từ 15 tiêu chí trở lên	Huyện NTM	Huyện NTM nâng cao, huyện NTM kiểu mẫu	
Tổng số 194 xã		3077	Bình quân TC/xã: 15,96	39	112	87	26	43	9	2	
I	TAM KỶ				4	4	2		Thành phố hoàn thành NTM 2020		Tiếp tục duy trì, nâng chuẩn theo bộ tiêu chí mới
1	Tam Ngọc	19	Đạt chuẩn NTM năm 2015		X	NTM nâng cao 2024	NTM kiểu mẫu 2025				
2	Tam Thăng	19	Đạt chuẩn NTM năm 2015		X	NTM nâng cao 2025					
3	Tam Thanh	19	Đạt chuẩn NTM năm 2017		X	NTM nâng cao 2024	NTM kiểu mẫu 2025				
4	Tam Phú	19	Đạt chuẩn NTM năm 2018		X	NTM nâng cao 2025					
II	HỘI AN				4	4	2		Thành phố hoàn thành NTM năm 2025		
1	Cẩm Thanh	19	Đạt chuẩn NTM năm 2015, xã NTM nâng cao 2020		X	Duy trì NTM nâng cao 2024	NTM kiểu mẫu 2024				
2	Cẩm Hà	19	Đạt chuẩn NTM năm 2015		X	NTM nâng cao 2025					
3	Tân Hiệp	19	Đạt chuẩn NTM năm 2018		X	NTM nâng cao 2021	NTM kiểu mẫu 2025				
4	Cẩm Kim	19	Đạt chuẩn NTM năm 2020		X	NTM nâng cao 2025					

TT	Địa phương	Tiêu chí đạt chuẩn đến ngày 31/12/2020 (theo Bộ tiêu chí 2016-2020)		Lộ trình phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025							Ghi chú
		Số lượng	Tên tiêu chí	Xã trong lộ trình đạt chuẩn xã NTM giai đoạn 2021- 2025	Duy trì, nâng chuẩn theo Bộ tiêu chí 2021-2025	Xã NTM nâng cao	Xã NTM kiểu mẫu	Đạt từ 15 tiêu chí trở lên	Huyện NTM	Huyện NTM nâng cao, huyện NTM kiểu mẫu	
III	ĐIỆN BÀN				8	8	8		Thị xã hoàn thành NTM 2015		Tiếp tục duy trì, nâng chuẩn theo bộ tiêu chí mới
1	Điện Quang	19	Đạt chuẩn NTM năm 2014		X	NTM nâng cao 2021	NTM kiểu mẫu 2023				
2	Điện Trung	19	Đạt chuẩn NTM năm 2014		X	NTM nâng cao 2022	NTM kiểu mẫu 2025				
3	Điện Phong	19	Đạt chuẩn NTM năm 2014		X	NTM nâng cao 2022	NTM kiểu mẫu 2024				
4	Điện Phước	19	Đạt chuẩn NTM năm 2015		X	NTM nâng cao 2022	NTM kiểu mẫu 2024				
5	Điện Thọ	19	Đạt chuẩn NTM năm 2015		X	NTM nâng cao 2023	NTM kiểu mẫu 2025				
6	Điện Hồng	19	Đạt chuẩn NTM năm 2015		X	NTM nâng cao 2024	NTM kiểu mẫu 2025				
7	Điện Hòa	19	Đạt chuẩn NTM năm 2015		X	NTM nâng cao 2024	NTM kiểu mẫu 2025				
8	Điện Tiến	19	Đạt chuẩn NTM năm 2016		X	NTM nâng cao 2024	NTM kiểu mẫu 2025				
IV	PHÚ NINH				10	9	2		Huyện NTM 2015	Huyện NTM nâng cao 2024- 2025	
1	Tam Phước	19	Đạt chuẩn NTM năm 2014		X	NTM nâng cao 2023	NTM kiểu mẫu 2025				
2	Tam An	19	Đạt chuẩn NTM năm 2014		X	NTM nâng cao 2025					
3	Tam Thành	19	Đạt chuẩn NTM năm 2014		X	NTM nâng cao 2025					
4	Tam Dân	19	Đạt chuẩn NTM năm 2015		X	NTM nâng cao 2025					
5	Tam Dân	19	Đạt chuẩn NTM năm 2015		X	NTM nâng cao 2025					
6	Tam Thái*	19	Đạt chuẩn NTM năm 2015		X	NTM nâng cao 2023	NTM kiểu mẫu 2025				
7	Tam Vinh*	19	Đạt chuẩn NTM năm 2015		X						Dự kiến sáp nhập xã vào thị trấn

TT	Địa phương	Tiêu chí đạt chuẩn đến ngày 31/12/2020 (theo Bộ tiêu chí 2016-2020)		Lộ trình phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025							Ghi chú
		Số lượng	Tên tiêu chí	Xã trong lộ trình đạt chuẩn xã NTM giai đoạn 2021- 2025	Duy trì, nâng chuẩn theo Bộ tiêu chí 2021-2025	Xã NTM nâng cao	Xã NTM kiểu mẫu	Đạt từ 15 tiêu chí trở lên	Huyện NTM	Huyện NTM nâng cao, huyện NTM kiểu mẫu	
8	Tam Đại	19	Đạt chuẩn NTM năm 2015		X	NTM nâng cao 2025					
9	Tam Lộc	19	Đạt chuẩn NTM năm 2015		X	NTM nâng cao 2025					
10	Tam Lãnh	19	Đạt chuẩn NTM năm 2015		X	NTM nâng cao 2025					
V	DUY XUYỀN				11	11	4		Huyện NTM 2020	Huyện NTM nâng cao 2024- 2025	
1	Duy Sơn	19	Đạt chuẩn NTM năm 2015		X	NTM nâng cao 2023					
2	Duy Phước	19	Đạt chuẩn NTM năm 2015, xã NTM nâng cao 2020		X	Duy trì NTM nâng cao 2025	NTM kiểu mẫu 2025				
3	Duy Hòa	19	Đạt chuẩn NTM năm 2015, xã NTM nâng cao 2020		X	Duy trì NTM nâng cao 2025	NTM kiểu mẫu 2025				
4	Duy Trinh	19	Đạt chuẩn NTM năm 2015, xã NTM nâng cao 2020		X	Duy trì NTM nâng cao 2025	NTM kiểu mẫu 2025				
5	Duy Thành	19	Đạt chuẩn NTM năm 2017		X	NTM nâng cao 2025					
6	Duy Trung	19	Đạt chuẩn NTM năm 2018		X	NTM nâng cao 2025					
7	Duy Châu	19	Đạt chuẩn NTM năm 2018		X	NTM nâng cao 2025					
8	Duy Vinh	19	Đạt chuẩn NTM năm 2019		X	NTM nâng cao 2025	NTM kiểu mẫu 2025				

TT	Địa phương	Tiêu chí đạt chuẩn đến ngày 31/12/2020 (theo Bộ tiêu chí 2016-2020)		Lộ trình phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025							Ghi chú
		Số lượng	Tên tiêu chí	Xã trong lộ trình đạt chuẩn xã NTM giai đoạn 2021- 2025	Duy trì, nâng chuẩn theo Bộ tiêu chí 2021-2025	Xã NTM nâng cao	Xã NTM kiểu mẫu	Đạt từ 15 tiêu chí trở lên	Huyện NTM	Huyện NTM nâng cao, huyện NTM kiểu mẫu	
9	Duy Phú	19	Đạt chuẩn NTM năm 2019		X	NTM nâng cao 2025					
10	Duy Thu	19	Đạt chuẩn NTM năm 2020		X	NTM nâng cao 2025					Dự kiến sáp nhập thành 01 xã NTM/xã NTM nâng cao
11	Duy Tân	19	Đạt chuẩn NTM năm 2020		X	NTM nâng cao 2025					
VI	THẮNG BÌNH			4	16	13	1		Lồng ghép, thực hiện dần tiêu chí NTM cấp huyện		Khuyến khích đạt chuẩn vào thời gian thích hợp khi đảm bảo nguồn lực
1	Bình Tú	19	Đạt chuẩn NTM năm 2014		X	NTM nâng cao 2025					
2	Bình Chánh	19	Đạt chuẩn NTM năm 2015		X	NTM nâng cao 2023					Dự kiến sáp nhập thành 01 xã NTM/xã NTM nâng cao
3	Bình Phú	19	Đạt chuẩn NTM năm 2017		X	NTM nâng cao 2023	NTM kiểu mẫu 2024				
4	Bình Giang	19	Đạt chuẩn NTM năm 2015		X	NTM nâng cao 2025					
5	Bình Quý	19	Đạt chuẩn NTM năm 2015		X	NTM nâng cao 2025					
6	Bình Định Bắc	19	Đạt chuẩn NTM năm 2015		X	NTM nâng cao 2025					Dự kiến sáp nhập thành 01 xã NTM/xã NTM nâng cao
7	Bình Định Nam	19	Đạt chuẩn NTM năm 2016		X	NTM nâng cao 2025					
8	Bình An	19	Đạt chuẩn NTM năm 2015		X	NTM nâng cao 2025					
9	Bình Trung	19	Đạt chuẩn NTM năm 2017		X	NTM nâng cao 2025					
10	Bình Trị	19	Đạt chuẩn NTM năm 2017		X						
11	Bình Sa	19	Đạt chuẩn NTM năm 2017		X	NTM nâng cao 2025					
12	Bình Triều	19	Đạt chuẩn NTM năm 2018		X	NTM nâng cao 2025					

TT	Địa phương	Tiêu chí đạt chuẩn đến ngày 31/12/2020 (theo Bộ tiêu chí 2016-2020)		Lộ trình phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025							Ghi chú
		Số lượng	Tên tiêu chí	Xã trong lộ trình đạt chuẩn xã NTM giai đoạn 2021- 2025	Duy trì, nâng chuẩn theo Bộ tiêu chí 2021-2025	Xã NTM nâng cao	Xã NTM kiểu mẫu	Đạt từ 15 tiêu chí trở lên	Huyện NTM	Huyện NTM nâng cao, huyện NTM kiểu mẫu	
13	Bình Nguyên	19	Đạt chuẩn NTM năm 2018		X						
14	Bình Hải	19	Đạt chuẩn NTM năm 2020		X						
15	Bình Đào	19	Đạt chuẩn NTM năm 2020		X	NTM nâng cao 2025					
16	Bình Phục	19	Đạt chuẩn NTM năm 2020		X	NTM nâng cao 2025					
17	Bình Dương	16	1, 2, 3, 4, 5, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 19	NTM 2021							
18	Bình Lãnh	13	1, 5, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 16, 17, 18, 19	NTM 2022							
19	Bình Quế	12	1, 4, 5, 8, 9, 11, 12, 14, 15, 16, 18, 19	NTM 2022							
20	Bình Nam	17	1, 4, 5, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 18, 19	NTM 2022							
VII	ĐẠI LỘC			4	13	11	2		Huyện NTM 2024-2025		
1	Đại Hiệp	19	Đạt chuẩn NTM năm 2014, xã NTM nâng cao 2019, xã kiểu mẫu năm 2020		X	Duy trì nâng cao 2024	Duy trì kiểu mẫu 2025				Tiếp tục duy trì, nâng chuẩn
2	Đại Cường	19	Đạt chuẩn NTM năm 2015		X	NTM nâng cao 2024					
3	Đại Phong	19	Đạt chuẩn NTM năm 2015		X	NTM nâng cao 2025					
4	Đại Hồng	19	Đạt chuẩn NTM năm 2015		X						
5	Đại An	19	Đạt chuẩn NTM năm 2015		X	NTM nâng cao 2025					
6	Đại Minh	19	Đạt chuẩn NTM năm 2015		X	NTM nâng cao 2024					
7	Đại Hòa	19	Đạt chuẩn NTM năm 2016		X	NTM nâng cao 2023					
8	Đại Nghĩa	19	Đạt chuẩn NTM năm 2017		X	NTM nâng cao 2024					

TT	Địa phương	Tiêu chí đạt chuẩn đến ngày 31/12/2020 (theo Bộ tiêu chí 2016-2020)		Lộ trình phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025							Ghi chú
		Số lượng	Tên tiêu chí	Xã trong lộ trình đạt chuẩn xã NTM giai đoạn 2021- 2025	Duy trì, nâng chuẩn theo Bộ tiêu chí 2021-2025	Xã NTM nâng cao	Xã NTM kiểu mẫu	Đạt từ 15 tiêu chí trở lên	Huyện NTM	Huyện NTM nâng cao, huyện NTM kiểu mẫu	
9	Đại Thắng	19	Đạt chuẩn NTM năm 2017		X	NTM nâng cao 2023	NTM kiểu mẫu 2025				
10	Đại Quang	19	Đạt chuẩn NTM năm 2018		X	NTM nâng cao 2021					
11	Đại Đồng	19	Đạt chuẩn NTM năm 2018		X	NTM nâng cao 2024					
12	Đại Lãnh	19	Đạt chuẩn NTM năm 2019		X	NTM nâng cao 2024					
13	Đại Hưng	19	Đạt chuẩn NTM năm 2020		X						
14	Đại Sơn	14	1, 2, 3, 4, 5, 6, 8, 9, 12, 13, 14, 15, 16, 19	NTM 2023							
15	Đại Thạnh	15	1, 3, 4, 5, 7, 8, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19	NTM 2023							
16	Đại Chánh	11	1, 4, 5, 7, 9, 10, 13, 14, 17, 18, 19	NTM 2024							
17	Đại Tân	11	1, 4, 5, 8, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19	NTM 2024							
VIII	QUẾ SƠN			5	6	6	1		Huyện NTM 2024- 2025		Sáp nhập huyện
1	Quế Xuân 1	19	Đạt chuẩn NTM năm 2015		X	NTM nâng cao 2024					
2	Quế Long	19	Đạt chuẩn NTM năm 2016		X	NTM nâng cao 2024					
3	Quế Phú	19	Đạt chuẩn NTM năm 2018, xã NTM nâng cao 2020		X	Duy trì NTM nâng cao	NTM kiểu mẫu 2024				
4	Quế Xuân 2	19	Đạt chuẩn NTM năm 2018		X	NTM nâng cao 2024					
5	Quế Châu	19	Đạt chuẩn NTM năm 2019		X	NTM nâng cao 2025					
6	Quế Mỹ	19	Đạt chuẩn NTM năm 2020		X						

TT	Địa phương	Tiêu chí đạt chuẩn đến ngày 31/12/2020 (theo Bộ tiêu chí 2016-2020)		Lộ trình phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025							Ghi chú
		Số lượng	Tên tiêu chí	Xã trong lộ trình đạt chuẩn xã NTM giai đoạn 2021- 2025	Duy trì, nâng chuẩn theo Bộ tiêu chí 2021-2025	Xã NTM nâng cao	Xã NTM kiểu mẫu	Đạt từ 15 tiêu chí trở lên	Huyện NTM	Huyện NTM nâng cao, huyện NTM kiểu mẫu	
7	Quế Hiệp	14	1, 4, 5, 7, 8, 9, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 18, 19	NTM 2022		NTM nâng cao năm 2024					
8	Quế Minh	13	1, 4, 7, 8, 9, 11, 12, 14, 15, 16, 17, 18, 19	NTM 2023							
9	Quế An	13	1, 2, 4, 7, 8, 9, 11, 12, 14, 15, 16, 18, 19	NTM 2023							
10	Quế Thuận	12	1, 4, 5, 7, 8, 9, 11, 12, 14, 15, 16, 18	NTM 2024							
11	Quế Phong	12	1, 4, 5, 7, 8, 9, 11, 12, 14, 15, 16, 18	NTM 2024							
IX	NÚI THÀNH			3	12	7	1		Huyện NTM 2024-2025		
1	Tam Xuân 2	19	Đạt chuẩn NTM năm 2015		X	NTM nâng cao 2021					
2	Tam Hòa	19	Đạt chuẩn NTM năm 2015		X						
3	Tam Xuân 1	19	Đạt chuẩn NTM năm 2015		X						
4	Tam Mỹ Đông	19	Đạt chuẩn NTM năm 2015		X	NTM nâng cao 2022					
5	Tam Giang	19	Đạt chuẩn NTM năm 2017		X	NTM nâng cao 2022					
6	Tam Nghĩa	19	Đạt chuẩn NTM năm 2018		X	NTM nâng cao 2024					
7	Tam Anh Nam	19	Đạt chuẩn NTM năm 2018		X	NTM nâng cao 2023	NTM kiểu mẫu 2025				
8	Tam Quang	19	Đạt chuẩn NTM năm 2019		X						
9	Tam Mỹ Tây	19	Đạt chuẩn NTM năm 2019		X	NTM nâng cao 2024					
10	Tam Tiến	19	Đạt chuẩn NTM năm 2019		X						
11	Tam Hải	19	Đạt chuẩn NTM năm 2020		X	NTM nâng cao 2025					
12	Tam Anh Bắc	19	Đạt chuẩn NTM năm 2020		X						

TT	Địa phương	Tiêu chí đạt chuẩn đến ngày 31/12/2020 (theo Bộ tiêu chí 2016-2020)		Lộ trình phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025							Ghi chú
		Số lượng	Tên tiêu chí	Xã trong lộ trình đạt chuẩn xã NTM giai đoạn 2021- 2025	Duy trì, nâng chuẩn theo Bộ tiêu chí 2021-2025	Xã NTM nâng cao	Xã NTM kiểu mẫu	Đạt từ 15 tiêu chí trở lên	Huyện NTM	Huyện NTM nâng cao, huyện NTM kiểu mẫu	
13	Tam Trà	15	1, 2, 3, 4, 7, 8, 9, 11, 12, 14, 15, 16, 17, 18, 19	NTM 2021							
14	Tam Sơn	18	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 18, 19	NTM 2021							
15	Tam Thạnh	17	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 14, 15, 16, 17, 19	NTM 2021							
X	NÔNG SƠN			3	2	2			Huyện NTM 2024-2025 theo lộ trình sáp nhập với huyện Quế Sơn		Sáp nhập huyện
1	Quế Lộc	19	Đạt chuẩn NTM năm 2018		X	NTM nâng cao 2024- 2025					Dự kiến sáp nhập thành 01 xã NTM/xã NTM nâng cao
2	Sơn Viên	19	Đạt chuẩn NTM năm 2020		X	NTM nâng cao 2024- 2025					
3	Phước Ninh	17	1, 2, 3, 4, 5, 6, 8, 9, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19	NTM 2021							
4	Ninh Phước	12	1, 2, 4, 7, 8, 9, 11, 12, 13, 14, 15, 16	NTM 2023							
5	Quế Lâm	13	1, 2, 3, 4, 7, 8, 12, 13, 14, 15, 17, 18, 19	NTM 2024							
XI	HIỆP ĐỨC			3	5	1		2			
1	Quế Thọ	19	Đạt chuẩn NTM năm 2015		X						
2	Bình Lâm	19	Đạt chuẩn NTM năm 2015		X	NTM nâng cao 2025					
3	Hiệp Thuận	19	Đạt chuẩn NTM năm 2018		X						Dự kiến sáp nhập thành 01 xã NTM
4	Hiệp Hòa	19	Đạt chuẩn NTM năm 2019		X						
5	Bình Sơn	19	Đạt chuẩn NTM năm 2019		X						
6	Thăng Phước	13	1, 2, 4, 7, 8, 9, 12, 14, 15, 16, 17, 18, 19	NTM 2025							
7	Quế Lưu	13	1, 2, 3, 4, 5, 7, 8, 12, 15, 16, 17, 18, 19	NTM 2025							

TT	Địa phương	Tiêu chí đạt chuẩn đến ngày 31/12/2020 (theo Bộ tiêu chí 2016-2020)		Lộ trình phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025							Ghi chú
		Số lượng	Tên tiêu chí	Xã trong lộ trình đạt chuẩn xã NTM giai đoạn 2021- 2025	Duy trì, nâng chuẩn theo Bộ tiêu chí 2021-2025	Xã NTM nâng cao	Xã NTM kiểu mẫu	Đạt từ 15 tiêu chí trở lên	Huyện NTM	Huyện NTM nâng cao, huyện NTM kiểu mẫu	
8	Sông Trà	10	1, 2, 3, 4, 8, 9, 12, 13, 18, 19	NTM 2025							
9	Phước Gia	10	1, 2, 3, 4, 7, 8, 12, 16, 18, 19					Phấn đấu đạt 18 tiêu chí: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19			Định hướng xã NTM 2025
10	Phước Trà	9	1, 2, 3, 4, 7, 8, 12, 14, 19					Tối thiểu 16 tiêu chí: 1,2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 12, 13, 14, 15, 16, 18, 19			
XII	TIỀN PHƯỚC			3	11	9	3		Huyện NTM 2024-2025		
1	Tiên Phong	19	Đạt chuẩn NTM năm 2015		X	NTM nâng cao 2023	NTM kiểu mẫu 2025				
2	Tiên Cảnh	19	Đạt chuẩn NTM năm 2015		X	NTM nâng cao 2023- 2024	NTM kiểu mẫu 2025				
3	Tiên Thọ	19	Đạt chuẩn NTM năm 2019		X						
4	Tiên Châu	19	Đạt chuẩn NTM năm 2019		X	NTM nâng cao 2025	NTM kiểu mẫu 2025				
5	Tiên Sơn	19	Đạt chuẩn NTM năm 2015		X	NTM nâng cao 2025					Dự kiến sáp nhập thành 01 xã NTM/NTM nâng cao
6	Tiên Cẩm	19	Đạt chuẩn NTM năm 2019		X						
7	Tiên Lộc	19	Đạt chuẩn NTM năm 2020		X	NTM nâng cao 2025					
8	Tiên Mỹ	19	Đạt chuẩn NTM năm 2020		X	NTM nâng cao 2024- 2025					
9	Tiên Hà	19	Đạt chuẩn NTM năm 2020		X	NTM nâng cao 2025					
10	Tiên An	19	Đạt chuẩn NTM năm 2020		X	NTM nâng cao 2025					

TT	Địa phương	Tiêu chí đạt chuẩn đến ngày 31/12/2020 (theo Bộ tiêu chí 2016-2020)		Lộ trình phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025							Ghi chú
		Số lượng	Tên tiêu chí	Xã trong lộ trình đạt chuẩn xã NTM giai đoạn 2021- 2025	Duy trì, nâng chuẩn theo Bộ tiêu chí 2021-2025	Xã NTM nâng cao	Xã NTM kiểu mẫu	Đạt từ 15 tiêu chí trở lên	Huyện NTM	Huyện NTM nâng cao, huyện NTM kiểu mẫu	
11	Tiên Hiệp	19	Đạt chuẩn NTM năm 2020		X	NTM nâng cao 2025					
12	Tiên Lãnh	13	1, 4, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 15, 17, 18, 19	NTM 2023							
13	Tiên Ngọc	13	1, 4, 5, 7, 8, 9, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 18	NTM 2022							
14	Tiên Lập	15	1, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 12, 13, 14, 15, 17, 19	NTM 2022							
XIII	TÂY GIANG			2	3			5			
1	Anông	19	Đạt chuẩn NTM năm 2014		X						
2	Lăng	19	Đạt chuẩn NTM năm 2015		X						
3	Atiêng	19	Đạt chuẩn NTM năm 2020		X						
4	Bhalêê	12	1, 4, 5, 8, 9, 12, 14, 15, 16, 17, 18, 19	NTM 2025							
5	Axan	10	1, 2, 4, 9, 12, 15, 16, 17, 18, 19	NTM 2025							
6	Tr'hy	10	1, 5, 7, 8, 9, 12, 14, 16, 18, 19					Tối thiểu 15 tiêu chí: 1,2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 12, 13, 14, 15, 16, 18, 19			
7	Ch'ôm	8	1, 6, 7, 12, 13, 15, 18, 19					Tối thiểu 15 tiêu chí: 1,2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 12, 13, 14, 15, 16, 18, 19			
8	Gari	9	1, 2, 4, 7, 9, 12, 16, 18, 19					Tối thiểu 15 tiêu chí: 1,2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 12, 13, 14, 15, 16, 18, 19			
9	Avưong	8	1, 5, 6, 7, 8, 12, 18, 19					Tối thiểu 16 tiêu chí: 1,2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 12, 13, 14, 15, 16, 18, 19			
10	Dang	8	1, 3, 6, 7, 12, 15, 18, 19					Tối thiểu 16 tiêu chí: 1,2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 12, 13, 14, 15, 16, 18, 19			
XIV	ĐÔNG GIANG			2	2	1		6			
1	Xã Ba	19	Đạt chuẩn NTM năm 2015		X	NTM nâng cao 2025					

TT	Địa phương	Tiêu chí đạt chuẩn đến ngày 31/12/2020 (theo Bộ tiêu chí 2016-2020)		Lộ trình phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025							Ghi chú
		Số lượng	Tên tiêu chí	Xã trong lộ trình đạt chuẩn xã NTM giai đoạn 2021- 2025	Duy trì, nâng chuẩn theo Bộ tiêu chí 2021-2025	Xã NTM nâng cao	Xã NTM kiểu mẫu	Đạt từ 15 tiêu chí trở lên	Huyện NTM	Huyện NTM nâng cao, huyện NTM kiểu mẫu	
2	Xã Tư	19	Đạt chuẩn NTM năm 2019		X						
3	Mà Cooih	16	1, 2, 3, 4, 5, 7, 8, 9, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19	NTM 2025							
4	Jơ Ngây	14	1, 2, 3, 4, 5, 7, 8, 9, 12, 14, 15, 17, 18, 19	NTM 2025							
5	Tà Lu	14	1, 2, 3, 4, 7, 8, 9, 12, 14, 15, 16, 17, 18, 19					Phấn đấu đạt 16 tiêu chí: 1, 2, 3, 4, 5, 7, 8, 9, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19;			Định hướng xã NTM 2025
6	Arooi	14	1, 2, 3, 4, 7, 8, 9, 12, 14, 15, 16, 17, 18, 19					Phấn đấu đạt 16 tiêu chí: 1, 2, 3, 4, 5, 7, 8, 9, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19			
7	ATing	12	1, 2, 3, 4, 7, 8, 9, 12, 14, 15, 18, 19					Phấn đấu đạt 15 tiêu chí: 1, 2, 3, 4, 5, 7, 8, 9, 12, 14, 15, 16, 17, 18, 19			
8	Sông Kôn	14	1, 2, 3, 4, 5, 7, 8, 9, 12, 14, 15, 16, 18, 19					Phấn đấu đạt 16 tiêu chí: 1, 2, 3, 4, 5, 7, 8, 9, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19			
9	Za Hung	13	1, 2, 3, 4, 7, 8, 9, 12, 14, 15, 16, 18, 19					Phấn đấu đạt 15 tiêu chí: 1, 2, 3, 4, 5, 7, 8, 9, 12, 14, 15, 16, 17, 18, 19			
10	Kà Dăng	12	1, 2, 3, 4, 7, 8, 9, 12, 14, 15, 18, 19					Phấn đấu đạt 15 tiêu chí: 1, 2, 3, 4, 5, 7, 8, 9, 12, 14, 15, 16, 17, 18, 19.			
XV	NAM GIANG			3				9			
1	Tà Bình	16	1, 2, 3, 4, 5, 7, 8, 9, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19	NTM 2024							
2	La Dêê	13	1, 3, 4, 7, 8, 9, 12, 14, 15, 16, 17, 18, 19	NTM 2025							
3	Chà Văl	13	1, 2, 3, 4, 5, 7, 8, 9, 14, 15, 16, 18, 19					Phấn đấu đạt 17 tiêu chí: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19			

TT	Địa phương	Tiêu chí đạt chuẩn đến ngày 31/12/2020 (theo Bộ tiêu chí 2016-2020)		Lộ trình phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025							Ghi chú
		Số lượng	Tên tiêu chí	Xã trong lộ trình đạt chuẩn xã NTM giai đoạn 2021- 2025	Duy trì, nâng chuẩn theo Bộ tiêu chí 2021-2025	Xã NTM nâng cao	Xã NTM kiểu mẫu	Đạt từ 15 tiêu chí trở lên	Huyện NTM	Huyện NTM nâng cao, huyện NTM kiểu mẫu	
4	Cà Dy	13	1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 14, 15, 16, 18, 19					Phần đầu đạt 17 tiêu chí: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19			
5	La Êê	9	1, 2, 4, 7, 8, 14, 16, 18, 19					Phần đầu đạt 15 tiêu chí: 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 12, 14, 15, 16, 17, 18, 19			
6	Chơ Chun	9	1, 7, 8, 9, 14, 15, 16, 18, 19					Phần đầu đạt 15 tiêu chí: 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 12, 14, 15, 16, 17, 18, 19			
7	Đắc Pre	10	1, 3, 4, 8, 10, 14, 15, 16, 18, 19					Phần đầu đạt 15 tiêu chí: 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 12, 14, 15, 16, 17, 18, 19			
8	Đắc Pring	9	1, 4, 7, 8, 9, 14, 16, 18, 19					Phần đầu đạt 15 tiêu chí: 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 12, 14, 15, 16, 17, 18, 19			
9	Zuôih	14	1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 14, 15, 16, 17, 18, 19					Phần đầu đạt 17 tiêu chí: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19			
10	Tà Pơơ	13	1, 2, 3, 4, 6, 7, 9, 14, 15, 16, 17, 18, 19					Phần đầu đạt 17 tiêu chí: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19			
11	Đắc Tời	11	1, 3, 4, 7, 8, 9, 14, 15, 16, 18, 19	NTM 2025				Phần đầu đạt 15 tiêu chí: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 12, 14, 15, 16, 18, 19			
XVI	PHƯỚC SƠN			4	1			6			
1	Phước Xuân	19	Đạt chuẩn NTM năm 2020		X						
2	Phước Năng	13	1, 2, 3, 4, 5, 6, 8, 9, 12, 14, 15, 16, 19	NTM 2023							
3	Phước Chánh	14	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 12, 14, 15, 16, 19	NTM 2024							
4	Phước Công	12	1, 2, 3, 4, 5, 6, 8, 9, 12, 15, 16, 19	NTM 2025							
5	Phước Hiệp	10	1, 2, 3, 4, 5, 7, 8, 12, 15, 19	NTM 2025							

TT	Địa phương	Tiêu chí đạt chuẩn đến ngày 31/12/2020 (theo Bộ tiêu chí 2016-2020)		Lộ trình phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025							Ghi chú
		Số lượng	Tên tiêu chí	Xã trong lộ trình đạt chuẩn xã NTM giai đoạn 2021- 2025	Duy trì, nâng chuẩn theo Bộ tiêu chí 2021-2025	Xã NTM nâng cao	Xã NTM kiểu mẫu	Đạt từ 15 tiêu chí trở lên	Huyện NTM	Huyện NTM nâng cao, huyện NTM kiểu mẫu	
6	Phước Đức	10	1, 2, 3, 4, 7, 8, 12, 14, 15, 19					Phấn đấu đạt 17 tiêu chí: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19			
7	Phước Lộc	10	1, 2, 3, 6, 8, 12, 14, 15, 16, 19					Phấn đấu đạt 15 tiêu chí: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 8, 9, 12, 13, 14, 15, 16, 18, 19			
8	Phước Thành	10	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 12, 19					Phấn đấu đạt 16 tiêu chí: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 12, 13, 14, 15, 16, 18, 19			
9	Phước Kim	10	1, 2, 3, 4, 6, 8, 12, 16, 17, 19					Phấn đấu đạt 16 tiêu chí: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 8, 9, 12, 13, 14, 15, 16, 18, 17, 19			
10	Phước Mỹ	10	1, 2, 3, 4, 5, 8, 9, 12, 14, 19					Phấn đấu đạt 15 tiêu chí: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 8, 9, 12, 13, 14, 15, 16, 18, 19			
11	Phước Hòa	11	1, 2, 3, 4, 6, 8, 9, 12, 14, 15, 19					Phấn đấu đạt 15 tiêu chí: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 8, 9, 12, 13, 14, 15, 16, 18, 19			
XVII	BẮC TRÀ MY			2	3	1		7			
1	Trà Dương	19	Đạt chuẩn NTM năm 2015		X	NTM nâng cao 2025					
2	Trà Tân	19	Đạt chuẩn NTM năm 2017		X						
3	Trà Đông	19	Đạt chuẩn NTM năm 2020		X						
4	Trà Giang	14	1, 2, 3, 4, 5, 7, 8, 12, 13, 14, 15, 16, 18, 19	NTM 2025							
5	Trà Sơn	13	1, 2, 3, 4, 7, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19	NTM 2025							

TT	Địa phương	Tiêu chí đạt chuẩn đến ngày 31/12/2020 (theo Bộ tiêu chí 2016-2020)		Lộ trình phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025							Ghi chú
		Số lượng	Tên tiêu chí	Xã trong lộ trình đạt chuẩn xã NTM giai đoạn 2021- 2025	Duy trì, nâng chuẩn theo Bộ tiêu chí 2021-2025	Xã NTM nâng cao	Xã NTM kiểu mẫu	Đạt từ 15 tiêu chí trở lên	Huyện NTM	Huyện NTM nâng cao, huyện NTM kiểu mẫu	
6	Trà Đốc	9	1, 3, 4, 5, 7, 12, 14, 18, 19					Phấn đấu đạt 16 tiêu chí: (1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 12, 13, 14, 15, 16, 18, 19)			
7	Trà Bui	11	1, 2, 3, 4, 6, 8, 12, 14, 15, 18, 19					Phấn đấu đạt 15 tiêu chí: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 12, 13, 14, 15, 16, 18, 19			
8	Trà Giác	10	1, 3, 4, 7, 12, 13, 14, 15, 18, 19					Phấn đấu đạt 15 tiêu chí: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 12, 13, 14, 15, 16, 18, 19			
9	Trà Giáp	10	1, 3, 4, 7, 8, 12, 13, 15, 18, 19					Phấn đấu đạt 15 tiêu chí: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 8, 9, 12, 13, 14, 15, 16, 18, 19			
10	Trà Ka	10	1, 2, 3, 4, 7, 12, 14, 15, 18, 19					Phấn đấu đạt 15 tiêu chí: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 12, 13, 14, 15, 16, 18, 19			Định hướng xã NTM 2025
11	Trà Núi	11	1, 3, 4, 5, 7, 8, 12, 14, 15, 18, 19					Phấn đấu đạt 16 tiêu chí: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19			
12	Trà Kót	10	1, 2, 3, 4, 5, 7, 12, 15, 18, 19					Phấn đấu đạt 16 tiêu chí: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 12, 13, 14, 15, 16, 18, 19			
XVIII	NAM TRÀ MY			1	1			8			
1	Trà Mai	19	Đạt chuẩn NTM năm 2020		X						
2	Trà Linh	8	1, 7, 9, 12, 13, 14, 18, 19	NTM 2025							
3	Trà Don	10	1, 2, 3, 5, 6, 7, 12, 14, 18, 19					Phấn đấu đạt 17 tiêu chí: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19			Định hướng xã NTM 2025
4	Trà Tập	8	1, 7, 12, 14, 15, 16, 18, 19					Phấn đấu đạt 15 tiêu chí: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 12, 14, 15, 16, 18, 19			
5	Trà Nam	9	1, 5, 7, 8, 12, 14, 15, 18, 19					Phấn đấu đạt 15 tiêu chí: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 12, 14, 15, 16, 18, 19			

TT	Địa phương	Tiêu chí đạt chuẩn đến ngày 31/12/2020 (theo Bộ tiêu chí 2016-2020)		Lộ trình phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025							Ghi chú
		Số lượng	Tên tiêu chí	Xã trong lộ trình đạt chuẩn xã NTM giai đoạn 2021- 2025	Duy trì, nâng chuẩn theo Bộ tiêu chí 2021-2025	Xã NTM nâng cao	Xã NTM kiểu mẫu	Đạt từ 15 tiêu chí trở lên	Huyện NTM	Huyện NTM nâng cao, huyện NTM kiểu mẫu	
6	Trà Vân	9	1, 7, 9, 12, 14, 15, 16, 18, 19					Phấn đấu đạt 15 tiêu chí: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 12, 14, 15, 16, 18, 19			
7	Trà Vinh	8	1, 3, 7, 9, 12, 14, 18, 19					Phấn đấu đạt 15 tiêu chí: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 12, 14, 15, 16, 18, 19			
8	Trà Cang	8	1, 6, 7, 9, 12, 14, 18, 19					Phấn đấu đạt 15 tiêu chí: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 12, 14, 15, 16, 18, 19			
9	Trà Đơn	8	1, 7, 9, 12, 14, 15, 18, 19					Phấn đấu đạt 15 tiêu chí: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 12, 14, 15, 16, 18, 19			
10	Trà Leng	8	1, 7, 8, 12, 14, 15, 18, 19					Phấn đấu đạt 15 tiêu chí: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 12, 14, 15, 16, 18, 19			

Ghi chú:

Trong quá trình thực hiện, UBND tỉnh điều chỉnh lộ trình đạt chuẩn NTM đối với từng địa phương cho phù hợp với Bộ tiêu chí NTM giai đoạn 2021-2025 và điều kiện nguồn lực để đảm bảo mục tiêu đến năm 2025 đã đề ra. Riêng đối với xã NTM giai đoạn 2021-2025, trước mắt tập trung chỉ đạo, hỗ trợ 39 xã và rà soát bổ sung đối với các xã đủ điều kiện đạt chuẩn trong giai đoạn 2022-2025 để đủ 42 xã.

Phụ lục II.
GIAO CHỈ TIÊU, MỤC TIÊU KẾ HOẠCH TRONG CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Quyết định số 2690/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Quảng Nam)

TT	Địa phương	Huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ NTM	Huyện NTM nâng cao, thị xã, thành phố NTM kiểu mẫu	Số xã đạt chuẩn xã NTM (trước sáp nhập xã)		Số xã đạt chuẩn xã NTM (dự kiến sau sáp nhập xã)		Binh quân chung số tiêu chí đạt chuẩn đến cuối năm 2025	Số xã 15 tiêu chí trở lên	Số xã NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu		Số thôn đạt chuẩn thôn NTM kiểu mẫu				Nhân rộng mô hình điển hình, tiên tiến	Kế hoạch phát triển đường cây xanh bóng mát (km)	Số xã đạt chuẩn NTM đạt bộ tiêu chí chuyển đổi số cấp xã	Số xã dự kiến rà soát quy hoạch**	Ghi chú
				Duy trì, nâng chuẩn	Thực hiện mới	Duy trì chuẩn	Thực hiện mới			Số xã NTM nâng cao*	Số xã NTM kiểu mẫu*	Thôn đã đạt chuẩn duy trì, nâng chuẩn	Thôn đã hỗ trợ nguồn lực nhưng chưa đạt chuẩn tiếp tục thực hiện đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí mới	Thôn mới 2021-2025	Tổng					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16=13+14+15	17	18	19	20	21
1	Tam Kỳ	Duy trì, nâng chuẩn theo Bộ tiêu chí 2021-2025		4		4		19,00		4	2	4	8	7	19	Ít nhất 10 mô hình	33	4	4	Không sáp nhập
2	Hội An	Thành phố hoàn thành nhiệm vụ NTM năm 2025		4		4		19,00		4	2	9	2	4	15	Ít nhất 12 mô hình	20	4	4	Không sáp nhập
3	Điện Bàn	Duy trì, nâng chuẩn theo Bộ tiêu chí 2021-2025		8		8		19,00		8	8	37	3	23	63	Ít nhất 20 mô hình	78	8	8	Không sáp nhập
4	Phú Ninh	Duy trì huyện NTM	Huyện NTM nâng cao 2024-2025	10		9		19,00		9	2	13	7	19	39	Ít nhất 15 mô hình	52	10	10	Xã Tam Vinh (đã đạt chuẩn) sáp nhập với thị trấn Phú Thịnh
5	Duy Xuyên	Duy trì huyện NTM	Huyện NTM nâng cao 2024-2025	11		10		19,00		11	4	18	8	9	35	Ít nhất 18 mô hình	78	11	11	Sáp nhập xã Duy Thu và Duy Tân
6	Thăng Bình	Thực hiện dẫn tiêu chí NTM cấp huyện		16	4	14	4	19,00		13	1	19	8	30	57	Ít nhất 25 mô hình	120	14	18	Sáp nhập xã Bình Định Bắc và Bình Định Nam; sáp nhập xã Bình Phú và xã Bình Chánh (các xã này đã đạt chuẩn)
7	Đại Lộc	Huyện NTM 2024-2025		13	4	13	4	19,00		11	2	16	7	31	54	Ít nhất 20 mô hình	100	15	17	Không sáp nhập
8	Núi Thành	Huyện NTM 2024-2025		12	3	12	3	19,00		7	1	15	6	32	53	Ít nhất 15 mô hình	120	13	8	Không sáp nhập
9	Quế Sơn	Huyện NTM 2025 (sau sáp nhập dự kiến huyện NTM Quế Sơn)		6	5	6	5	19,00		6	1	9	9	14	32	Ít nhất 15 mô hình	80	10	11	Không sáp nhập xã nhưng sáp nhập huyện
10	Nông Sơn			2	3	1	3	19,00		2		3	2	12	17	Ít nhất 10 mô hình	20	5	5	Xã Quế Trung lên thị trấn và sáp nhập xã Quế Lộc và Sơn Viên; các xã này đã đạt chuẩn; đồng thời sáp nhập huyện

TT	Địa phương	Huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ NTM	Huyện NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu	Số xã đạt chuẩn xã NTM (trước sáp nhập xã)		Số xã đạt chuẩn xã NTM (dự kiến sau sáp nhập xã)		Bình quân chung số tiêu chí đạt chuẩn đến cuối năm 2025	Số xã 15 tiêu chí trở lên	Số xã NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu		Số thôn đạt chuẩn thôn NTM kiểu mẫu				Nhân rộng mô hình điển hình, tiên tiến	Kế hoạch phát triển đường cây xanh bóng mát (km)	Số xã đạt chuẩn NTM đạt bộ tiêu chí chuyển đổi số cấp xã	Số xã dự kiến rà soát quy hoạch**	Ghi chú
				Duy trì, nâng chuẩn	Thực hiện mới	Duy trì chuẩn	Thực hiện mới			Số xã NTM nâng cao*	Số xã NTM kiểu mẫu*	Thôn đã đạt chuẩn duy trì, nâng chuẩn	Thôn đã hỗ trợ nguồn lực nhưng chưa đạt chuẩn tiếp tục thực hiện đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí mới	Thôn mới 2021-2025	Tổng					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16=13+14+15	17	18	19	20	21
11	Hiệp Đức	Thực hiện dẫn tiêu chí NTM cấp huyện		5	3	4	3	18,60	Không còn xã dưới 15 tiêu chí	1		5	1	25	31	Ít nhất 12 mô hình	12	8	8	Sáp nhập xã Hiệp Hòa và Hiệp Thuận (các xã này đã đạt chuẩn); Dự kiến chỉ đạo thêm 01 xã để bổ sung vào danh sách xã phấn đấu đạt chuẩn NTM 2021-2025
12	Tiên Phước	Huyện NTM 2024-2025		11	3	10	3	19,00		9	3	12	9	44	65	Ít nhất 20 mô hình	105	14	14	Sáp nhập xã Tiên Sơn và Tiên Cẩm (các xã này đã đạt chuẩn)
13	Tây Giang	Thực hiện dẫn tiêu chí NTM cấp huyện		3	2	3	2	17,20	Không còn xã dưới 15 tiêu chí			1	27	11	39	Ít nhất 10 mô hình	55	5	6	
14	Đông Giang	Thực hiện dẫn tiêu chí NTM cấp huyện		2	2	2	2	16,90	Không còn xã dưới 15 tiêu chí	1		4	14	6	24	Ít nhất 12 mô hình	26	5	8	Dự kiến chỉ đạo thêm 01 xã để bổ sung vào danh sách xã phấn đấu đạt chuẩn NTM 2021-2025
15	Nam Giang	Thực hiện dẫn tiêu chí NTM cấp huyện		0	3	0	3	16,40	Không còn xã dưới 15 tiêu chí			0	24	8	32	Ít nhất 10 mô hình	79	2	3	Dự kiến chỉ đạo thêm 01 xã để bổ sung vào danh sách xã phấn đấu đạt chuẩn NTM 2021-2025
16	Phước Sơn	Thực hiện dẫn tiêu chí NTM cấp huyện		1	4	1	4	17,10	Không còn xã dưới 15 tiêu chí			1	13	15	29	Ít nhất 10 mô hình	36	5	11	
17	Bắc Trà My	Thực hiện dẫn tiêu chí NTM cấp huyện		3	2	3	2	16,90	Không còn xã dưới 15 tiêu chí	1		4	13	15	32	Ít nhất 8 mô hình	46	5	12	Dự kiến chỉ đạo thêm 01 xã để bổ sung vào danh sách xã phấn đấu đạt chuẩn NTM 2021-2025
18	Nam Trà My	Thực hiện dẫn tiêu chí NTM cấp huyện		1	1	1	1	16,00	Không còn xã dưới 15 tiêu chí			2	10	15	27	Ít nhất 8 mô hình	55	2	9	Dự kiến chỉ đạo thêm 01 xã để bổ sung vào danh sách xã phấn đấu đạt chuẩn NTM 2021-2025
	Tổng cộng			112	39	105	39			87	26	172	171	320	663	Ít nhất 250 mô hình	1.115	140	167	

Ghi chú:

* Số xã xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu sẽ điều chỉnh sau khi hoàn thành sáp nhập xã theo quy định

** Trường hợp xã không sử dụng hết định mức hỗ trợ quy hoạch từ NSTW, tính theo quy định (do diện tích, dân số và nội dung rà soát quy hoạch) thì được chuyển sang sử dụng cho xã khác trên địa bàn cấp huyện, hoặc các xã khác trên địa bàn tỉnh để thực hiện